

Nguyễn Văn Quyền - Nguyễn Văn Quân - Uyển Uyên

BÀI TẬP HÀNG NGÀY

TOÁN 3

TẬP 1

*Biên soạn theo chương trình
SGK Kết nối tri thức với cuộc sống*





Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

A. 586 B. 568 C. 685 D. 856

A. 698 B. 699 C. 701 D. 702

A. 650, 652, 654 B. 291, 295, 299 C. 769, 770, 771 D. 310, 320, 330

A. 289 B. 452 C. 187 D. 643

A. 4 số B. 5 số C. 6 số D. 7 số

II. Phần tự luận.

[illegible]



I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

* **Câu 1** Tổng của 54 và 46 là:

- A. 8 B. 100 C. 90 D. 18

* **Câu 2** Hiệu của 746 và 83 là:

- A. 829 B. 729 C. 663 D. 763

* **Câu 3** Trong các phép tính sau, phép tính có kết quả nhỏ nhất là:

- A. $507 + 9$ B. $713 - 92$ C. $921 - 305$ D. $153 + 296$

* **Câu 4** Số?

- A. 100 B. 300
C. 400 D. 200

$$\boxed{25} + \boxed{75} = \boxed{500} - \boxed{?}$$

* **Câu 5** Con trâu cân nặng 450 kg. Con bò nhẹ hơn con trâu 60 kg. Hỏi con bò cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?



- A. 390 kg B. 510 kg C. 490 kg D. 410 kg

II. Phần tự luận.

* **Bài 1** Đặt tính rồi tính.

$71 + 29$

$100 - 37$

$541 + 66$

$505 - 365$

$418 + 135$

* **Bài 2** Số?

140 $\xrightarrow{+85}$ $\xrightarrow{-7}$

540 $\xrightarrow{+ 83}$ $\xrightarrow{- 217}$

420 $\xrightarrow{-90}$

 $\xrightarrow{-50}$

800 $- 350$ $+ 128$

Bài 3

Khối lớp Ba trồng được 165 cây. Khối lớp Hai trồng được ít hơn khối lớp Ba 38 cây. Hỏi:

a. Khối lớp Hai trồng được bao nhiêu cây?

Bài giải



b. Cả hai khối lớp trồng được tất cả bao nhiêu cây?

Bài giải

Bài 4

Mẹ sinh Hà năm 26 tuổi. Năm nay mẹ 34 tuổi. Hỏi năm nay Hà mấy tuổi?

Bài giải



I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Biết tổng là **100**, số hạng thứ nhất là **38**, số hạng thứ hai là:

- A. 138 B. 72 C. 62 D. 55

Câu 2 Biết số trừ là **28**, hiệu là **65**, số bị trừ là:

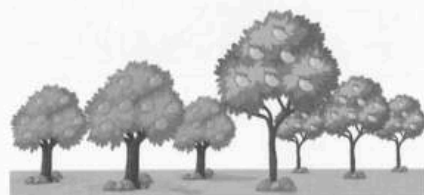
- A. 93 B. 37 C. 83 D. 47

Câu 3 Số?

- A. 405 B. 135
C. 305 D. 145

$$\boxed{212} + \boxed{58} = \boxed{?} - \boxed{135}$$

Câu 4 Vườn cây ăn quả nhà Mai có 65 cây cam và cây xoài, trong đó có 28 cây cam. Vậy số cây xoài có trong vườn cây ăn quả nhà Mai là:



- A. 47 cây B. 83 cây C. 73 cây D. 37 cây

Câu 5 Sau khi bán đi 128 con gà, trang trại nhà Huy còn lại 252 con gà. Vậy số gà lúc đầu trang trại nhà Huy có là:



- A. 124 con B. 380 con C. 134 con D. 370 con

II. Phần tự luận.

Bài 1 Số?

Số hạng		15	
Số hạng	43		7
Tổng	81	43	312

Số bị trừ	155		719
Số trừ		76	
Hiệu	37	24	435

Bài 2 Số?

 + 19 = 60

$$613 + \begin{array}{|c|c|c|} \hline & & \\ \hline & & \\ \hline & & \\ \hline & & \\ \hline \end{array} = 692$$

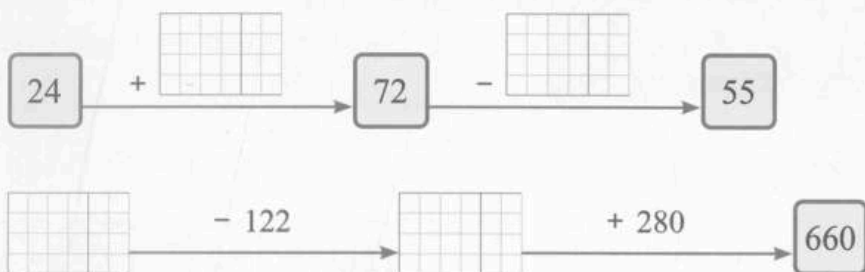
 - 28 = 47

 - 23 = 51

 - 223 = 527

$$95 - \begin{array}{|c|c|c|} \hline & & \\ \hline & & \\ \hline & & \\ \hline & & \\ \hline & & \\ \hline \end{array} = 16$$

Bài 3 Số?



Bài 4 Mẹ mua cho An thêm 8 chiếc bút chì. Lúc này, số bút chì An có là 30 chiếc. Hỏi lúc đầu An có bao nhiêu chiếc bút chì?

Bài giải

Bài 5 Hà mua một cái kẹo hết 500 đồng. Cô bán hàng trả lại Hà 500 đồng. Hỏi Hà đã đưa cho cô bán hàng bao nhiêu tiền?

Bài giải



I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 5 được lấy 2 lần. Khi đó ta có phép tính đúng là:

- A. $5 \times 2 = 10$ B. $2 \times 5 = 10$ C. $5 - 2 = 3$ D. $5 + 2 = 7$

Câu 2 "2, 4, 6, 8, ..., ..., ..., 16, 18, 20". Số thích hợp điền vào chỗ chấm lần lượt là:

- A. 13, 14, 15 B. 9, 10, 11 C. 10, 12, 14 D. 5, 10, 15

Câu 3 Trong các phép tính sau, phép tính có kết quả nhỏ nhất là:

- A. 2×4 B. 5×3 C. $50 : 5$ D. $18 : 2$

Câu 4 Mẹ chia đều 10 l nước mắm vào 5 can.

Vậy mỗi can có số lít nước mắm là:



- A. 5 l B. 2 l C. 15 l D. 50 l

Câu 5 "Một hộp có 5 cái bánh. Mẹ mua 6 hộp bánh như vậy. Hỏi mẹ đã mua bao nhiêu cái bánh?". Phép tính đúng với bài toán là:



- A. $5 + 6 = 11$ (cái) B. $6 \times 5 = 30$ (cái) C. $5 \times 6 = 30$ (cái) D. $6 - 5 = 1$ (cái)

II. Phần tự luận.

Bài 1 Số?

Thừa số	2	5	2	5	2	5	2	5	2	
Thừa số	3	1	8	7	6	9	10	10	7	
Tích										

Số bị chia	12	8	25	40	30	14	5	10	20	
Số chia	2	2	5	5	5	2	5	2	5	
Thương										

$> ; < ; =$?

5×4  2×4

14 : 2  40 : 5

2×5  $50 : 5$

Bài 3

Số?

5 $\times 3$ $+ 8$

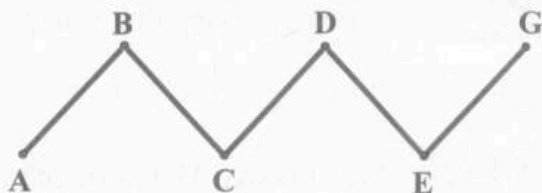
50 $\xrightarrow{: 5}$ $\xrightarrow{- 5}$

Bài 4

Đo độ dài các đoạn thẳng và viết phép tính thích hợp.

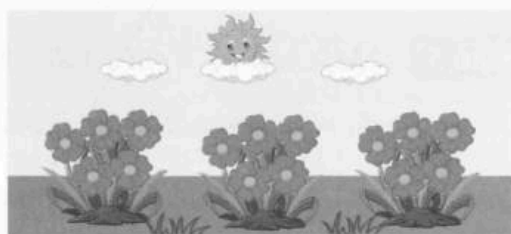
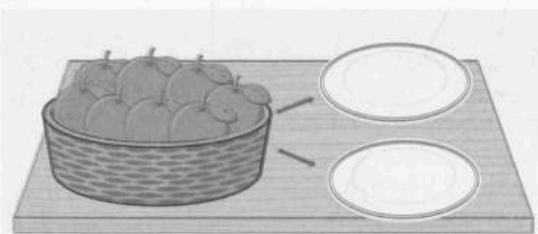
Độ dài của đường gấp khúc **ABCDEG** là:

Three 10x10 grids followed by an equals sign and a single 10x10 grid, with '(cm)' to the right.



Bài 5

Quan sát bức tranh rồi viết phép nhân hoặc phép chia thích hợp.



Three empty 10x10 grids are provided for multiplication. The first grid is followed by a multiplication sign ($\times$), the second grid is followed by an equals sign ($=$), and the third grid is empty.

Bài 6

Trong giờ thảo luận, 30 học sinh của lớp 3A được chia thành các nhóm, mỗi nhóm có 5 bạn. Hỏi lớp 3A đã được chia thành mấy nhóm?

Bài giải



I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

- Câu 1** Kết quả của phép tính 3×6 là:
 A. 9 B. 12 C. 15 D. 18
- Câu 2** Thương của 21 và 3 là:
 A. 6 B. 7 C. 8 D. 9
- Câu 3** Cho dãy số: 3, 6, 9, 12,,,, 24, 27, 30. Các số thích hợp điền vào chỗ chấm lần lượt là:
 A. 13, 14, 15 B. 21, 22, 23 C. 15, 18, 21 D. 15, 20, 25
- Câu 4** Lớp 3A có 30 bạn được chia làm 3 tổ. Vậy số bạn mỗi tổ có là:
 A. 7 bạn B. 8 bạn C. 9 bạn D. 10 bạn
- Câu 5** Hà xếp các quyển sách lên kệ sách. Kệ sách có 3 ngăn, mỗi ngăn Hà xếp 9 quyển sách. Vậy số quyển sách Hà đã xếp lên kệ sách là:
 A. 27 quyển sách B. 18 quyển sách C. 24 quyển sách D. 12 quyển sách

II. Phần tự luận.

Bài 1 Tính.

$3 \times 1 = \begin{array}{|c|c|c|c|} \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline \end{array}$

$3 \times 3 = \begin{array}{|c|c|c|c|} \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline \end{array}$

$3 \times 5 = \begin{array}{|c|c|c|c|} \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline \end{array}$

$3 \times 7 = \begin{array}{|c|c|c|c|} \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline \end{array}$

$3 \times 2 = \begin{array}{|c|c|c|c|} \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline \end{array}$

$3 \times 4 = \begin{array}{|c|c|c|c|} \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline \end{array}$

$3 \times 6 = \begin{array}{|c|c|c|c|} \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline \end{array}$

$3 \times 8 = \begin{array}{|c|c|c|c|} \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline \end{array}$

$3 : 3 = \begin{array}{|c|c|c|c|} \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline \end{array}$

$9 : 3 = \begin{array}{|c|c|c|c|} \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline \end{array}$

$15 : 3 = \begin{array}{|c|c|c|c|} \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline \end{array}$

$21 : 3 = \begin{array}{|c|c|c|c|} \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline \end{array}$

$6 : 3 = \begin{array}{|c|c|c|c|} \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline \end{array}$

$12 : 3 = \begin{array}{|c|c|c|c|} \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline \end{array}$

$18 : 3 = \begin{array}{|c|c|c|c|} \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline \end{array}$

$24 : 3 = \begin{array}{|c|c|c|c|} \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline \end{array}$

Bài 2 Tính.

3 kg $\times$ 9 = 

$3 \text{ dm} \times 10 =$ 

$31 \times 6 =$ 

27 km : 3 = 

30 cm : 3 = 

$21 \div 3 =$ 

Bài 3 Nối hai phép tính có kết quả bằng nhau với nhau.

18 : 3

$45 : 5$

16 : 2

5×2

$14:2$

3×3

3×2

21 : 3

30 : 3

24 : 3

Bài 4 Bác thợ làm bánh xếp số bánh vừa làm được vào 10 hộp, mỗi hộp 3 chiếc bánh. Hỏi bác thợ làm bánh đã làm được bao nhiêu chiếc bánh?

Bài giải

Bài 5 Mẹ Hà chuẩn bị đi công tác xa. Mẹ tính mỗi ngày cả gia đình Hà dùng 3 kg thức ăn nên đã mua tích trữ 24 kg thức ăn, đủ cho cả gia đình dùng trong những ngày mẹ vắng nhà. Hỏi mẹ Hà sẽ đi công tác mấy ngày?

Bài giải



I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Kết quả của phép tính 4×7 là:

- A. 11 B. 28 C. 20 D. 32

Câu 2 Trong các phép tính sau, phép tính có kết quả nhỏ nhất là:

- A. 4×2 B. $40 : 4$ C. 3×4 D. $36 : 4$

Câu 3 Cho dãy số: 40, 36, 32, 28,,,, 12, 8, 4. Các số thích hợp điền vào chỗ chấm lần lượt là:

- A. 27, 26, 25 B. 20, 18, 16 C. 24, 20, 16 D. 21, 18, 15

Câu 4 Nhà Hòa có 7 chuồng thỏ, mỗi chuồng có 4 con. Vậy số thỏ nhà Hòa có là:

- A. 28 con thỏ B. 24 con thỏ C. 11 con thỏ D. 16 con thỏ

Câu 5 Các bạn học sinh lớp 3C ngồi vừa đủ 8 bàn học, mỗi bàn có 4 bạn ngồi. Vậy số học sinh lớp 3C có là:



- A. 28 học sinh B. 36 học sinh C. 30 học sinh D. 32 học sinh

II. Phần tự luận.

Bài 1 Tính.

$$4 \times 1 = \begin{array}{|c|c|c|c|} \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline \end{array}$$

$$4 \times 3 = \begin{array}{|c|c|c|c|} \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline \end{array}$$

$$4 \times 5 = \begin{array}{|c|c|c|c|c|} \hline & & & & \\ \hline & & & & \\ \hline & & & & \\ \hline \end{array}$$

$$4 \times 7 = \begin{array}{|c|c|c|c|c|c|} \hline & & & & & \\ \hline & & & & & \\ \hline & & & & & \\ \hline \end{array}$$

$$4 \times 2 = \begin{array}{|c|c|c|c|} \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline \end{array}$$

$$4 \times 4 = \begin{array}{|c|c|c|c|} \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline \end{array}$$

$$4 \times 6 = \begin{array}{|c|c|c|c|c|} \hline & & & & \\ \hline & & & & \\ \hline & & & & \\ \hline \end{array}$$

$$4 \times 8 = \begin{array}{|c|c|c|c|c|c|} \hline & & & & & \\ \hline & & & & & \\ \hline & & & & & \\ \hline \end{array}$$

$$4 : 4 = \begin{array}{|c|c|c|c|} \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline \end{array}$$

$$12 : 4 = \begin{array}{|c|c|c|c|} \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline \end{array}$$

$$20 : 4 = \begin{array}{|c|c|c|c|c|} \hline & & & & \\ \hline & & & & \\ \hline & & & & \\ \hline \end{array}$$

$$28 : 4 = \begin{array}{|c|c|c|c|c|c|} \hline & & & & & \\ \hline & & & & & \\ \hline & & & & & \\ \hline \end{array}$$

$$8 : 4 = \begin{array}{|c|c|c|c|} \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline \end{array}$$

$$16 : 4 = \begin{array}{|c|c|c|c|} \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline \end{array}$$

$$24 : 4 = \begin{array}{|c|c|c|c|c|} \hline & & & & \\ \hline & & & & \\ \hline & & & & \\ \hline \end{array}$$

$$32 : 4 = \begin{array}{|c|c|c|c|c|c|} \hline & & & & & \\ \hline & & & & & \\ \hline & & & & & \\ \hline \end{array}$$

Bài 2 Tính.

4 kg $\times$ 9 = 

$4 \text{ dm} \times 10 =$ 

$41 \times 4 =$ 

36 km : 4 = 

40 cm : 4 = 

$281:4 =$ 

Bài 3 Số?

$12 \div 3 = \square \times 9 = \square$

32 : 4 →  : 4 → 

3 $\times 8$ $\rightarrow$  $\div 4$ $\rightarrow$ 

2 $\times 10$ $\rightarrow$ $\rightarrow$ $\div 4$ $\rightarrow$

Bài 4 Trong giờ thể dục, các bạn học sinh lớp 3B xếp thành 9 hàng dọc đều nhau. Mỗi hàng có 4 học sinh. Hỏi lớp 3B có bao nhiêu học sinh?

Bài giải

Bài 5 Chậu nước nhà An đựng được 40 l nước. Hôm nay An dùng chiếc xô 4 l giúp mẹ xách nước đổ vào chậu. Hỏi An cần xách bao nhiêu xô nước để chậu đầy?

Bài giải





I. Phần trắc nghiệm.

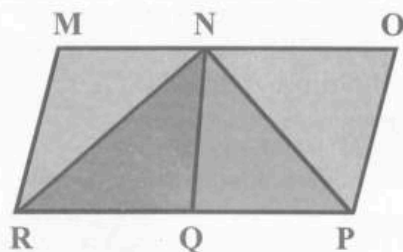
Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 "6 m = cm". Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

- A. 6 B. 60 C. 600 D. 160

Câu 2 Ba điểm thẳng hàng là:

- A. M, R, Q B. R, Q, P
C. P, N, R D. O, P, Q



Câu 3 Hình trên (Câu 2) có:

- A. 4 hình tứ giác B. 5 hình tứ giác C. 6 hình tứ giác D. 7 hình tứ giác

Câu 4 Nếu ngày 4 tháng 8 là thứ Năm thì ngày 11 tháng 8 là:

- A. thứ Năm B. thứ Sáu C. thứ Bảy D. Chủ Nhật

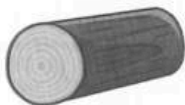
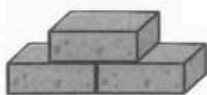
Câu 5 Nếu đổ hết nước từ hai xô xanh và đỏ sang xô vàng thì điều gì sẽ xảy ra?

- A. Nước sẽ tràn ra ngoài xô vàng.
B. Nước vừa đủ đầy xô vàng.
C. Xô vàng chưa đầy nước.



II. Phần tự luận.

Bài 1 Nói.



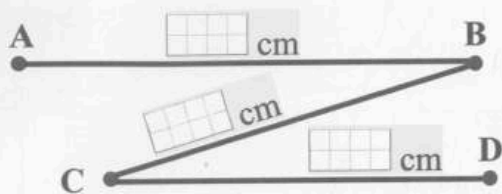
Khối hộp chữ nhật

Khối lập phương

Khối trụ

Khối cầu

Bài 2 Đo rồi tính độ dài đường gấp khúc.



Độ dài đường gấp khúc ABCD là:

$\boxed{3} + \boxed{3} + \boxed{3} = \boxed{9}$ (cm)

Bài 4 Số?

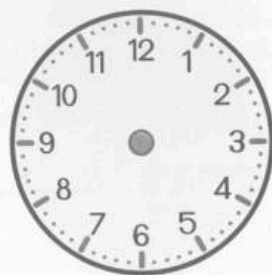


Trong xô màu xanh còn lại $\boxed{7}$ l nước.

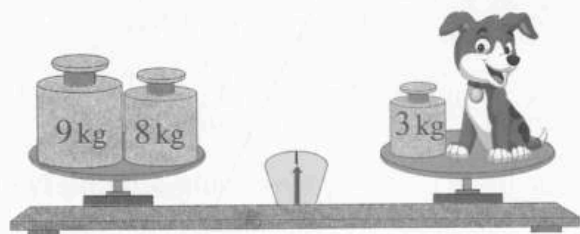
Bài 3 Vẽ kim giờ, kim phút để có:



20 giờ 15 phút



16 giờ 30 phút

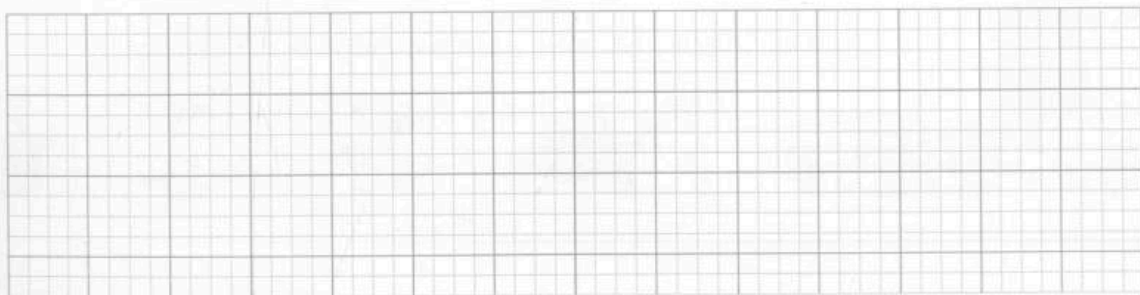


Con chó cân nặng $\boxed{14}$ kg.

Bài 5 Đội A phải sửa đoạn đường dài 1 km trong ba ngày. Ngày thứ nhất đội sửa được 360 m đường. Ngày thứ hai đội sửa được nhiều hơn ngày thứ nhất 80 m.

a. Hỏi ngày thứ hai đội A sửa được bao nhiêu mét đường?

Bài giải



b. Hỏi ngày thứ ba đội A còn phải sửa bao nhiêu mét đường nữa?

Trả lời: Ngày thứ ba đội A còn phải sửa $\boxed{560}$ m đường nữa.



I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

Câu 1 Điền dấu (✓) nếu **đúng** và điền (✗) nếu **sai**:

- ☐ A. Tích của 3 và 6 là 18. ☐ B. 703 gồm 7 trăm và 3 đơn vị.
- ☐ C. $845 = 800 + 4 + 5$ ☐ D. 4 được lấy 5 lần viết là: 5×4 .
- ☐ E. Số nào nhân với 1 cũng bằng số đó. ☐ G. 0 nhân với số nào cũng bằng 0.
- ☐ H. Muốn tìm số trừ, ta lấy hiệu cộng với số bị trừ.

Câu 2 Trong các phép tính sau, phép tính có kết quả lớn nhất là:

- A. $442 + 65$ B. $513 - 232$ C. $794 - 48$ D. $452 + 9$

Câu 3 Số?

- A. 7 B. 8
C. 9 D. 10

$$\boxed{320} - \boxed{280} = \boxed{4} \times \boxed{?}$$

Câu 4 Số?

- A. 0 B. 27
C. 24 D. 30

$$\boxed{?} : \boxed{3} = \boxed{124} + \boxed{156} - \boxed{280}$$

Câu 5 Trang trại nhà Huy có 335 con gà mái và 226 con gà trống. Vậy số gà trang trại nhà Huy có là:

- A. 109 con gà B. 119 con gà C. 561 con gà D. 551 con gà

Câu 6 Bác Năm rót 20 l mật ong vừa thu hoạch vào đầy 4 can như nhau. Vậy số lít mật ong mỗi can có là:



- A. 16 l B. 5 l C. 4 l D. 6 l

II. Phần tự luận.

Bài 1 Đặt tính rồi tính.

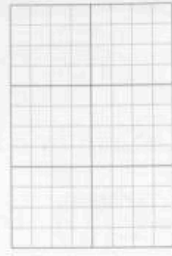
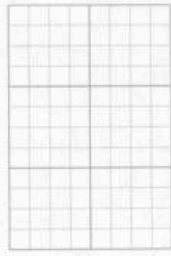
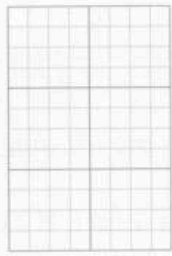
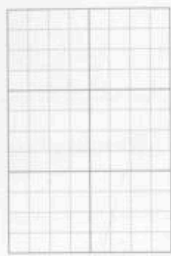
$45 + 29$

$432 - 82$

$615 + 93$

$742 - 236$

$342 + 438$



Bài 2 Tính.

$4 \times 3 =$

$5 \times 3 =$

$1 \times 8 =$

$0 \times 7 =$

$3 \times 8 =$

$4 \times 6 =$

$9 \times 1 =$

$6 \times 0 =$

$15 : 3 =$

$35 : 5 =$

$5 : 1 =$

$0 : 4 =$

$16 : 4 =$

$27 : 3 =$

$2 : 1 =$

$0 : 3 =$

Bài 3 Số?

$4 \times$ $= 36$

$9 \times$ $= 0$

$21 :$ $= 7$

$: 1 = 8$

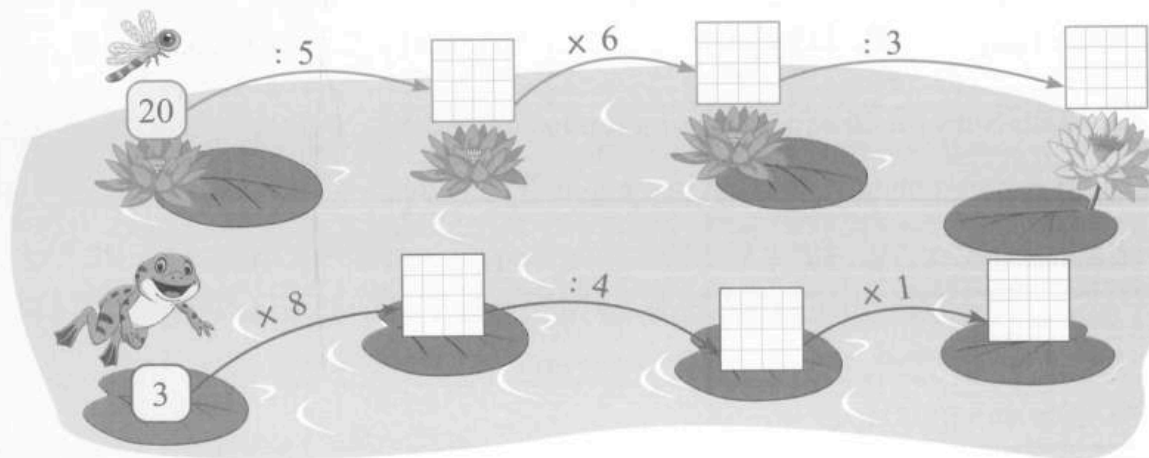
$3 \times$ $= 18$

$7 \times$ $= 7$

$32 :$ $= 8$

$: 5 = 0$

Bài 4 Số?

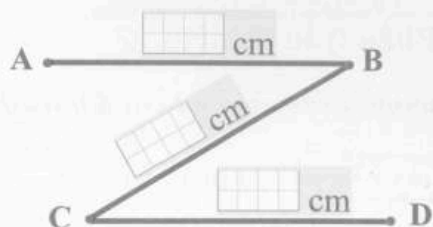


Bài 5

Đo độ dài các đoạn thẳng và viết phép tính thích hợp.

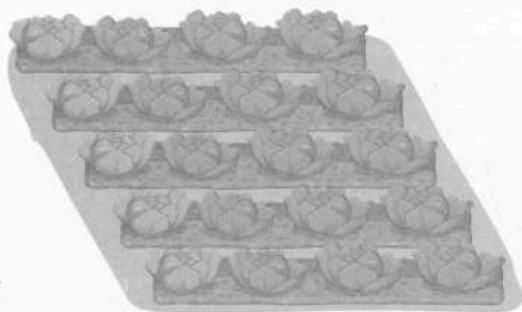
Độ dài của đường gấp khúc **ABCD** là:

   =  (cm)



Bài 6

Mẹ Hà trồng được 5 luống bắp cải, mỗi luống có 4 cây. Hỏi mẹ Hà trồng được bao nhiêu cây bắp cải?

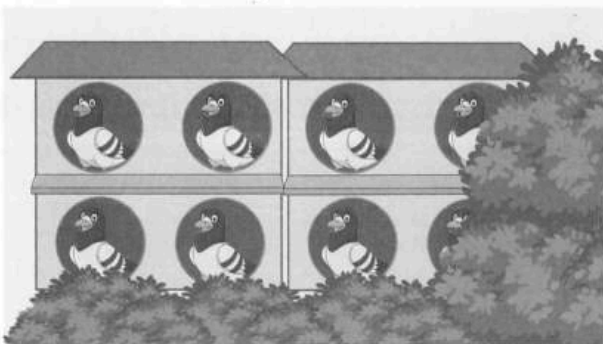


Bài giải

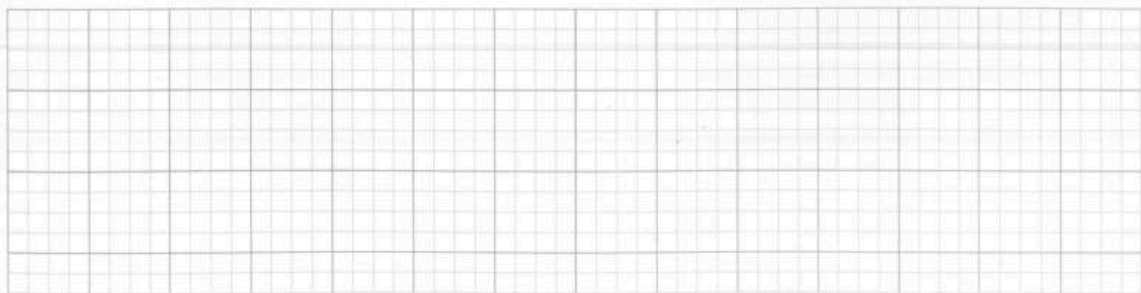


Bài 7

Bác Minh vừa mua 32 con chim bồ câu và chuẩn bị làm chuồng cho chúng. Bác dự định cho 4 con chim bồ câu ở một chuồng. Hỏi bác Minh cần làm bao nhiêu cái chuồng?



Bài giải





I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 42 là tích của:

- A. 3 và 6 B. 6 và 5 C. 4 và 6 D. 6 và 7

Câu 2 Cho dãy số: 6, 12, 18, 24,,,, 48, 54, 60. Các số thích hợp điền vào chỗ chấm lần lượt là:

- A. 45, 46, 47 B. 30, 36, 42 C. 28, 32, 36 D. 25, 26, 27

Câu 3 Phép tính thích hợp là:

- A. 6×2 B. $32 : 4$
C. 4×3 D. $27 : 3$

$$\boxed{54} : \boxed{6} = \boxed{?} \boxed{?} \boxed{?}$$

Câu 4 Mẹ Hiền cắt tấm vải dài 48 m thành 6 mảnh bằng nhau. Vậy chiều dài của mỗi mảnh vải là:

- A. 42 m B. 7 m C. 8 m D. 6 m

Câu 5 An xếp số cam vừa hái được vào 5 rổ, mỗi rổ 6 quả. Vậy số cam An vừa hái được là:



- A. 30 quả B. 24 quả C. 11 quả D. 36 quả

II. Phần tự luận.

Bài 1 Tính.

$$6 \times 3 = \begin{array}{|c|c|c|c|} \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline \end{array}$$

$$6 \times 7 = \begin{array}{|c|c|c|c|} \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline \end{array}$$

$$60 : 6 = \begin{array}{|c|c|c|c|} \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline \end{array}$$

$$12 : 6 = \begin{array}{|c|c|c|c|} \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline \end{array}$$

$$6 \times 4 = \begin{array}{|c|c|c|c|} \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline \end{array}$$

$$6 \times 9 = \begin{array}{|c|c|c|c|} \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline \end{array}$$

$$36 : 6 = \begin{array}{|c|c|c|c|} \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline \end{array}$$

$$24 : 6 = \begin{array}{|c|c|c|c|} \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline \end{array}$$

Bài 2 Tính.



I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 21 là tích của:

- A. 7 và 3 B. 7 và 4 C. 6 và 7 D. 3 và 8

Câu 2 Thương của 42 và 7 là:

- A. 5 B. 6 C. 7 D. 8

Câu 3 Cho dãy số: 70, 63, 56,,,, 28, 21, 14, 7. Các số thích hợp điền vào chỗ chấm lần lượt là:

- A. 54, 48, 30 B. 50, 42, 36 C. 49, 42, 35 D. 55, 54, 53

Câu 4 Mỗi ngày chiếc xe ô tô của anh Sơn tiêu thụ 7 l xăng. Vậy trong một tuần chiếc xe ô tô đó tiêu thụ số lít xăng là:

- A. 42 l B. 49 l C. 56 l D. 63 l



Câu 5 35 học sinh của lớp 3C xếp thành các hàng, mỗi hàng 7 học sinh. Vậy số hàng lớp 3C xếp được là:

- A. 5 hàng B. 6 hàng C. 4 hàng D. 7 hàng

II. Phần tự luận.

Bài 1 Số?

Thừa số	7	7	7	7
Thừa số	5	7	4	9
Tích				

Số bị chia	21	56	70	14
Số chia	7	7	7	7
Thương				

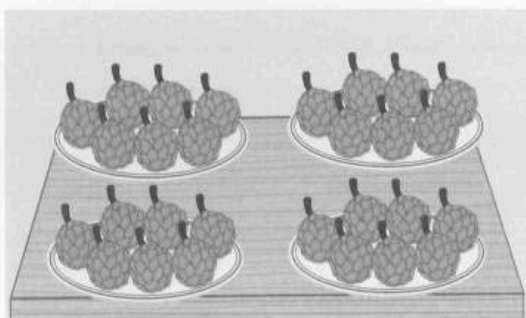
Bài 2 Tính.

$$7 \text{ kg} \times 6 = \div$$

$$7 \text{ dm} \times 8 = \div$$

$$42 \text{ l} : 7 = \div$$

Bài 3 Quan sát bức tranh, viết các phép tính thích hợp.



$$\begin{array}{ccc} \square & \times & \square = \square \\ \square & : & \square = \square \\ \square & : & \square = \square \end{array}$$

Bài 4 $> ; < ; =$?

7×2  7×4

$63 : 7$  $27 : 3$

7×1  $42 : 7$

Bài 5 An giúp mẹ xếp đều 56 chiếc cốc vào 7 hộp. Hỏi mỗi hộp An xếp được có bao nhiêu chiếc cốc?

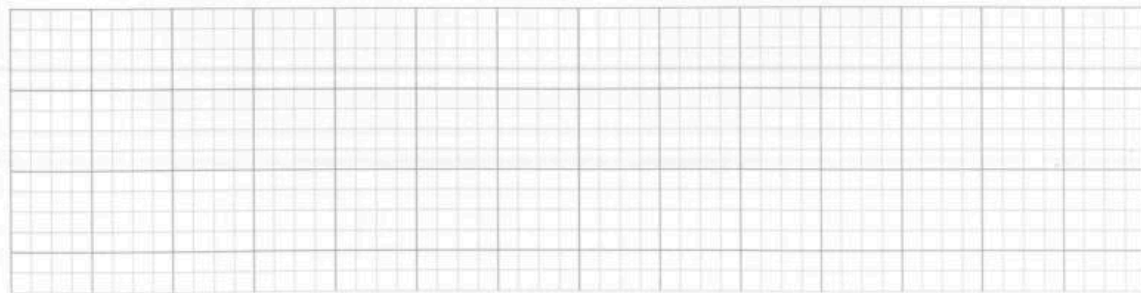
Bài giải



Bài 6 Cuộc đua thuyền rồng năm nay có 6 đội tham gia, mỗi đội có 7 người. Hỏi có bao nhiêu người tham gia cuộc đua thuyền rồng năm nay?



Bài giải





I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Tích của 8 và 3 là:

- A. 11 B. 16 C. 24 D. 32

Câu 2 Kết quả của phép tính $40 \text{ cm} : 8$ là:

- A. 5 cm B. 6 cm C. 5 D. 7 dm

Câu 3 Cho dãy số: 8, 16, 24, 32,,,, 64, 72, 80. Các số thích hợp điền vào chỗ chấm lần lượt là:

- A. 45, 54, 58 B. 42, 48, 56 C. 40, 45, 50 D. 40, 48, 56

Câu 4 Một chiếc bánh được cắt làm 8 miếng. Anh Sơn mua 3 chiếc bánh như vậy. Vậy số miếng bánh anh Sơn có là:



- A. 11 miếng bánh B. 24 miếng bánh C. 18 miếng bánh D. 16 miếng bánh

Câu 5 Cuộc đua thuyền năm nay có 72 người tham gia được chia đều thành các đội, mỗi đội đua gồm 8 người. Vậy số đội tham gia cuộc đua thuyền năm nay là:

- A. 9 đội B. 8 đội C. 7 đội D. 10 đội

II. Phần tự luận.

Bài 1 Số?

×	8	8	8	8	8
	3	6	4	9	8

:	16	32	40	56	80
	8	8	8	8	8

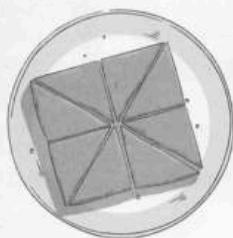
Bài 2 Tính.

$$8 \text{ km} \times 7 = \text{ }$$

$$8 \text{ dm} \times 10 = \text{ }$$

$$48 \text{ l} : 8 = \text{ }$$

★ ★



Số cái bánh chưng	2	5	7	8	3	6
Số miếng bánh chưng	16					

★ ★

8 $\times 4$ $\rightarrow$ $\rightarrow$ $+ 18$ $\rightarrow$

56 $\div 7$ $\times 5$

8 $\times 7$ $- 29$

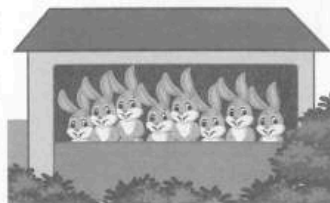
72 : 8 →  : 3 → 

☆ ☆



Bài giải

✱



Bài giải



I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Tích của 9 và 5 là:

- A. 14 B. 36 C. 45 D. 18

Câu 2 3 là thương của:

- A. 18 và 9 B. 27 và 9 C. 54 và 9 D. 63 và 9

Câu 3 Cho dãy số: 90, 81, 72, 63,,,, 27, 18, 9. Các số thích hợp điền vào chỗ chấm lần lượt là:

- A. 62, 61, 60 B. 30, 29, 28 C. 54, 48, 42 D. 54, 45, 36

Câu 4 An xếp số cam mẹ vừa mua vào 3 đĩa, mỗi đĩa 9 quả. Vậy số cam mẹ đã mua là:



- A. 12 quả cam B. 18 quả cam C. 27 quả cam D. 36 quả cam

Câu 5 Hoa đang nghĩ đến số lớn nhất có hai chữ số mà tích của số chục và số đơn vị bằng 36. Số Hoa đang nghĩ đến là:

- A. 94 B. 66 C. 49 D. 75

II. Phần tự luận.

Bài 1 Tính.

$9 \times 7 =$

$9 \times 3 =$

$18 : 9 =$

$72 : 9 =$

$9 \times 5 =$

$9 \times 8 =$

$27 : 9 =$

$63 : 9 =$

Bài 2 Tính.

$9 \text{ km} \times 9 =$

$36 \text{ dm} : 9 =$

$90 \text{ l} : 9 =$

Bài 3 Số?

$9 \times \begin{array}{|c|c|c|c|} \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline \end{array} = 18$

$9 \times \begin{array}{|c|c|c|c|} \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline \end{array} = 81$

$\begin{array}{|c|c|c|c|} \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline \end{array} : 9 = 4$

$\begin{array}{|c|c|c|c|} \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline \end{array} : 9 = 6$

$9 \times \begin{array}{|c|c|c|c|} \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline \end{array} = 45$

$9 \times \begin{array}{|c|c|c|c|} \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline \end{array} = 63$

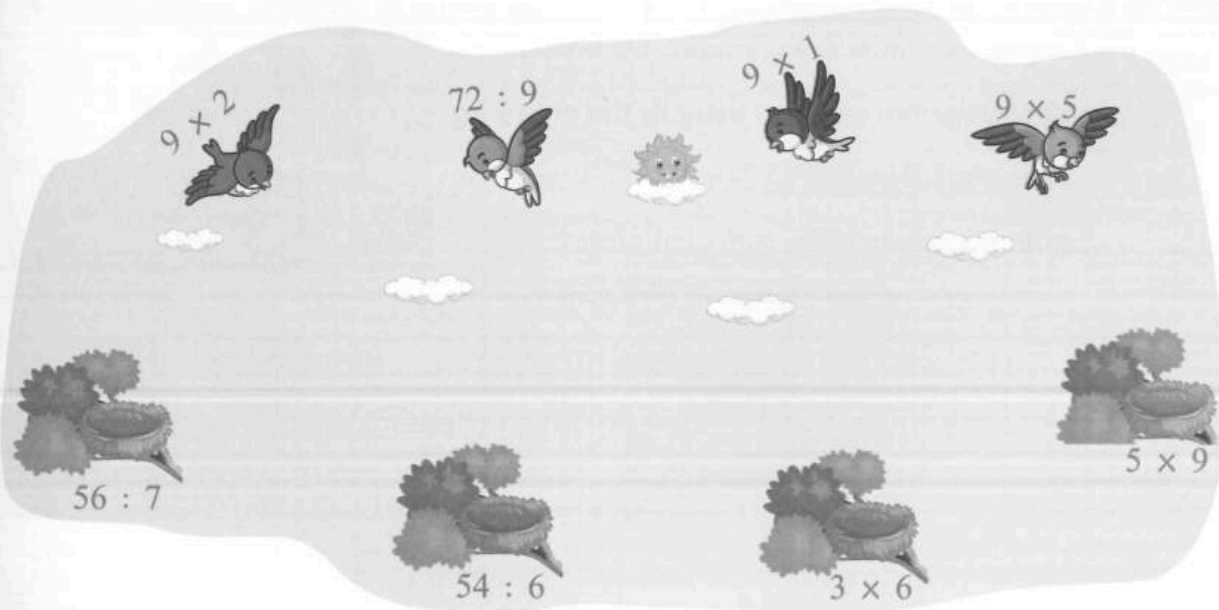
$\begin{array}{|c|c|c|c|} \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline \end{array} : 9 = 3$

$\begin{array}{|c|c|c|c|} \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline \end{array} : 9 = 9$

Bài 4 Hoàn thành bảng nhân, chia sau.

	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
2										
3										
4										
5										
6										
7										
8										
9										

Bài 5 Nối các phép tính có cùng kết quả với nhau.

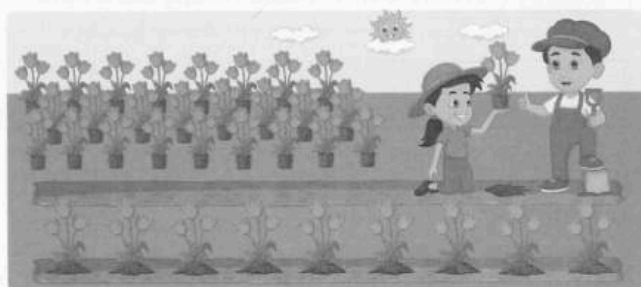


Bà

9 $\times 2$ $\rightarrow$ $\rightarrow$ $\div 6$ $\rightarrow$

81 $\div 9$ $\rightarrow$ $\div 3$ $\rightarrow$

Bà



Bài giải

Bà



Bài giải



I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Biết tích là 42, thừa số thứ nhất là 6, thừa số thứ hai là:

- A. 5 B. 6 C. 7 D. 8

Câu 2 Biết thương là 9, số chia là 6, số bị chia là:

- A. 15 B. 54 C. 36 D. 30

Câu 3 Số?

- A. 6 B. 7
C. 8 D. 9

$$\boxed{48} : \boxed{?} = \boxed{4} \times \boxed{2}$$

Câu 4 An xếp số bánh mẹ vừa làm vào vừa đủ 5 đĩa, mỗi đĩa 6 cái bánh. Vậy số bánh mẹ An vừa làm được là:

- A. 11 cái bánh B. 25 cái bánh C. 24 cái bánh D. 30 cái bánh

Câu 5 8 bạn của tổ Một quyển góp được 32 quyển vở để giúp đỡ các bạn nhỏ vùng cao. Vậy số quyển vở mỗi bạn của tổ Một quyển góp là:

- A. 4 quyển vở B. 5 quyển vở C. 6 quyển vở D. 7 quyển vở

II. Phần tự luận.

Bài 1 Số?

Thừa số		8		9
Thừa số	6		3	
Tích	36	48	21	45

Số bị chia		35		81
Số chia	6		4	
Thương	5	7	8	9

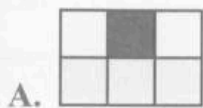
Bài 2 Số?



I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Hình nào dưới đây được tô màu $\frac{1}{3}$ hình?



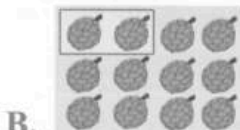
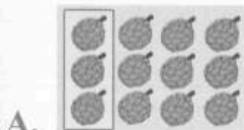
Câu 2 Hình nào dưới đây được tô màu $\frac{1}{8}$ hình?



Câu 3 Hình nào đã khoanh $\frac{1}{2}$ số quả cà chua?



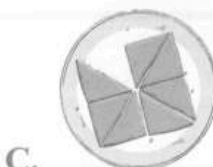
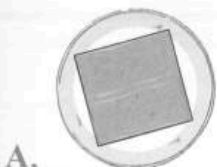
Câu 4 Hình nào đã khoanh $\frac{1}{6}$ số quả na?



Câu 5 Hình nào đã khoanh $\frac{1}{7}$ số quả dâu tây?



Câu 6 Hà đã ăn hết $\frac{1}{4}$ chiếc bánh chưng. Vậy Hà đã ăn chiếc bánh nào dưới đây?



II. Phần tự luận.

Bài 1 Điền dấu (✓) nếu **đúng** và điền (✗) nếu **sai**.

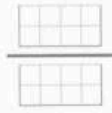
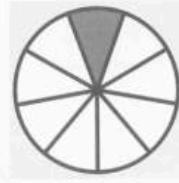
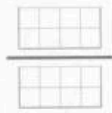
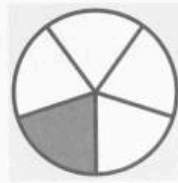
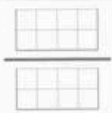
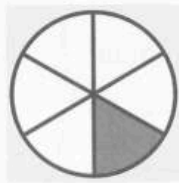
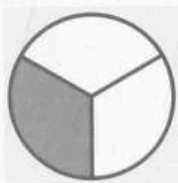
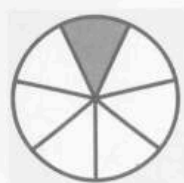


☐ Đã tô màu $\frac{1}{6}$ hình chữ nhật.

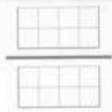
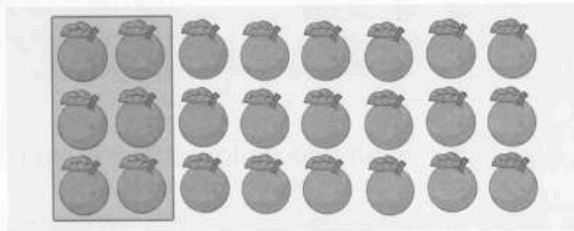
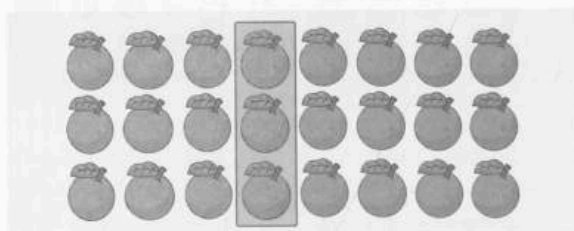


☐ Đã tô màu $\frac{1}{3}$ hình chữ nhật.

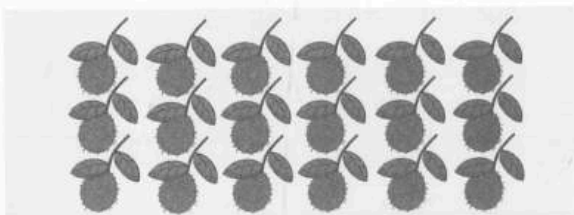
Bài 2 Những hình dưới đây đã được tô màu một phần mấy của những hình đó?



Bài 3 Đã khoanh một phần mấy của số quả đã cho?



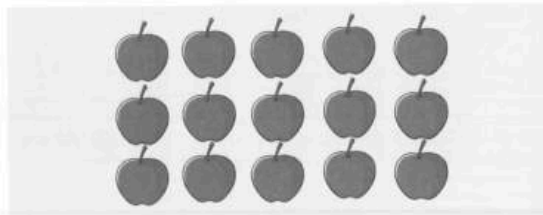
Bài 4 Số?



Chia 18 quả chôm chôm thành 6 phần bằng nhau. Vậy $\frac{1}{6}$ số quả chôm chôm



là $\frac{1}{6}$ quả chôm chôm.



Chia 15 quả táo thành 3 phần bằng nhau. Vậy $\frac{1}{3}$ số quả táo



là $\frac{1}{3}$ quả táo.



I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Tích của 8 và 4 là:

- A. 12 B. 4 C. 2 D. 32

Câu 2 Biết thương là 7, số bị chia là 28, số chia là:

- A. 21 B. 5 C. 4 D. 35

Câu 3 Trong các phép tính sau, phép tính có kết quả lớn nhất là:

- A. 9×5 B. 7×7 C. 6×8 D. 8×3

Câu 4 Chú Bình vắt được 7 xô sữa bò, mỗi xô có 8 l sữa. Vậy số lít sữa bò chú Bình vắt được là:

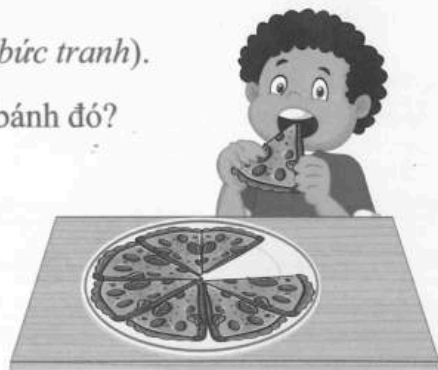
- A. 15 l B. 48 l C. 56 l D. 40 l

Câu 5 Huy được mẹ mua cho một chiếc bánh (như bức tranh).

Hỏi Huy đã lấy ăn một phần mấy của chiếc bánh đó?

- A. $\frac{1}{5}$ chiếc bánh B. $\frac{1}{6}$ chiếc bánh

- C. $\frac{1}{7}$ chiếc bánh D. $\frac{1}{8}$ chiếc bánh



II. Phần tự luận.

Bài 1 Số?

$6 \times 6 = \square$

$36 : 9 = \square$

$\square \times 7 = 35$

$54 : \square = 9$

$7 \times 4 = \square$

$42 : 6 = \square$

$6 \times \square = 30$

$\square : 4 = 8$

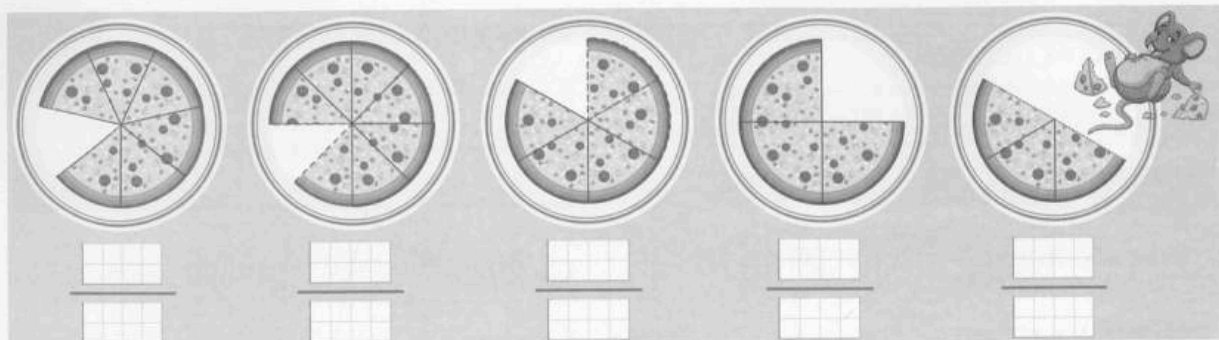
$8 \times 3 = \square$

$70 : 7 = \square$

$\square \times 8 = 56$

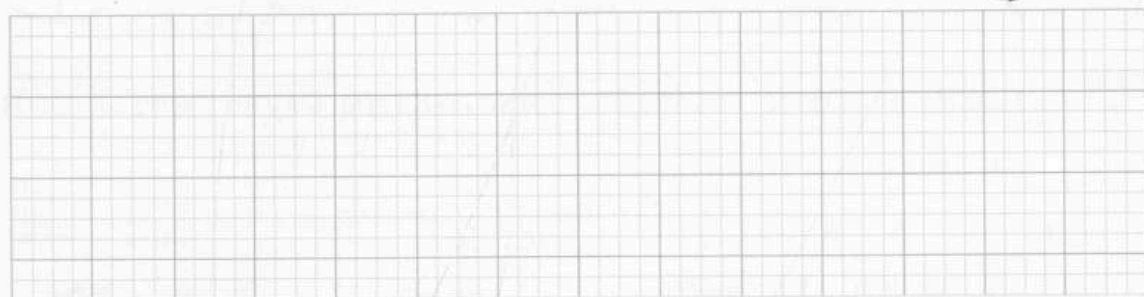
$72 : \square = 9$

Bài 2 Chú Chuột đã ăn một phần mấy của mỗi chiếc bánh?

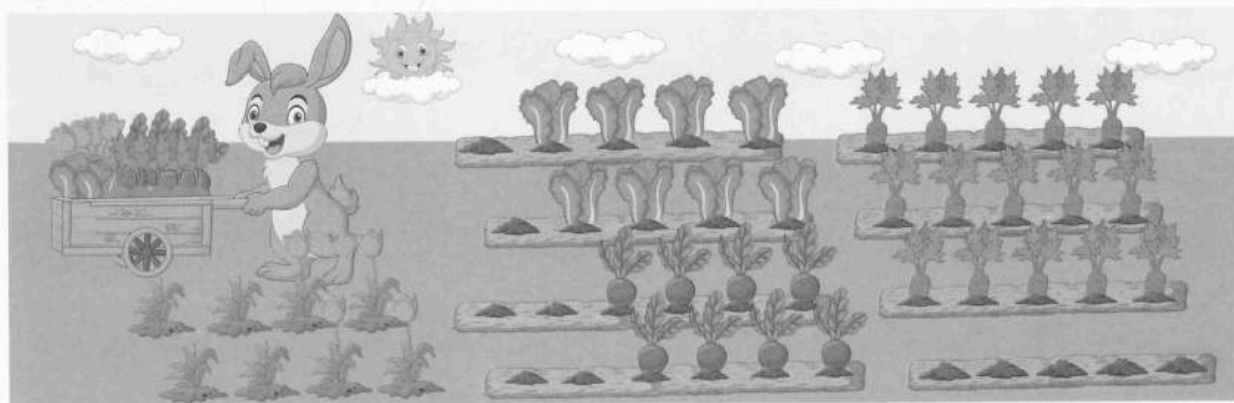


Bài 3 Giải bóng đá nhi đồng năm nay có sự tham gia của 8 đội bóng với 80 cầu thủ. Hỏi mỗi đội bóng có bao nhiêu cầu thủ?

Bài giải



Bài 4 Quan sát bức tranh và điền số thích hợp vào chỗ trống (theo mẫu):



Số lượng rau củ Thỏ đã hái là:

• 5 củ cà rốt, bằng $\frac{1}{4}$ số củ cà rốt.

• $\frac{\quad}{\quad}$ củ cải đỏ, bằng $\frac{\quad}{\quad}$ số củ cải đỏ.

• $\frac{\quad}{\quad}$ cây cải, bằng $\frac{\quad}{\quad}$ số cây cải.

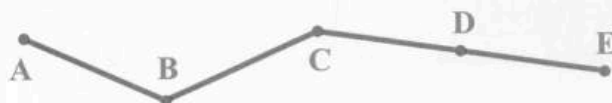
• $\frac{\quad}{\quad}$ bông hoa, bằng $\frac{\quad}{\quad}$ số bông hoa.



I. Phần trắc nghiệm.

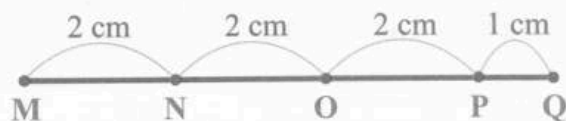
Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 D là điểm ở giữa hai điểm nào?



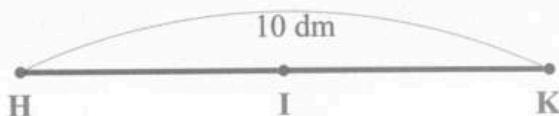
- A. A và E B. A và C
C. B và E D. C và E

Câu 2 O là trung điểm của đoạn thẳng nào?



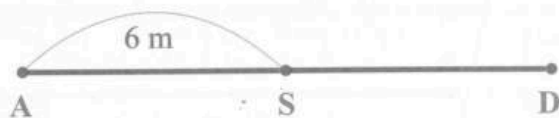
- A. MP B. NP
C. MQ D. NQ

Câu 3 I là trung điểm của đoạn thẳng HK. Vậy độ dài của đoạn thẳng HI là:



- A. 3 dm B. 4 dm
C. 5 dm D. 6 dm

Câu 4 S là trung điểm của đoạn thẳng AD. Vậy độ dài của đoạn thẳng AD là:

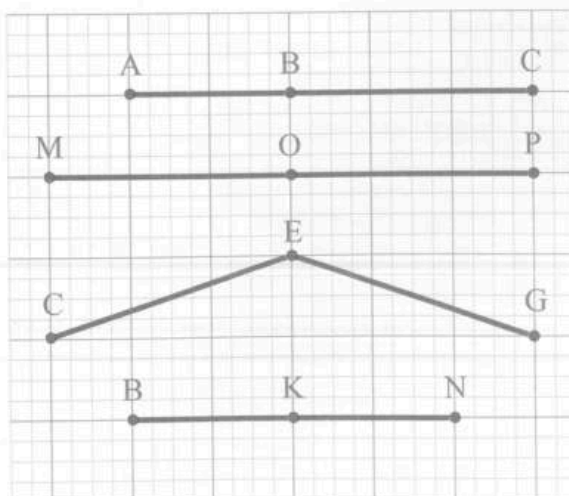


- A. 10 m B. 14 m
C. 16 m D. 12 m

II. Phần tự luận.

Bài 1 Đ, S ?

- ☐ a. B là điểm ở giữa hai điểm A và C.
☐ b. O là trung điểm của đoạn thẳng MP.
☐ c. E là điểm ở giữa hai điểm C và G.
☐ d. E là trung điểm của đoạn thẳng CG.
☐ e. K là trung điểm của đoạn thẳng BN.



Bài 2

Trong hình bên:

a. Ba điểm thẳng hàng là:

The page contains six identical empty 10x10 grids, arranged in a 3x2 layout. Each grid is a square divided into 10 columns and 10 rows, with a thicker border around the perimeter. These grids are intended for students to draw their own pictures.

b. Điểm E ở giữa hai điểm

 và

.

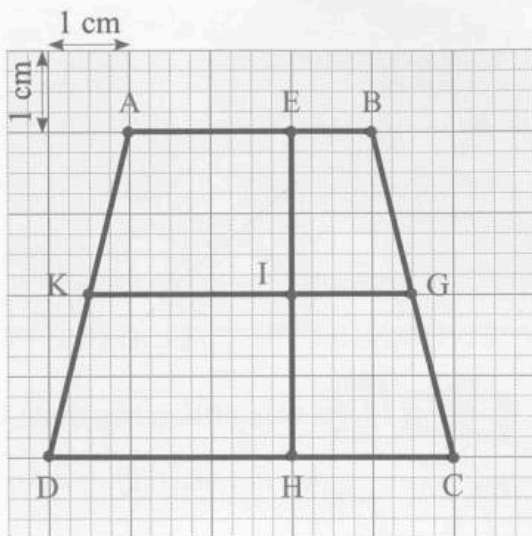
c. Điểm H ở giữa hai điểm

 và

.

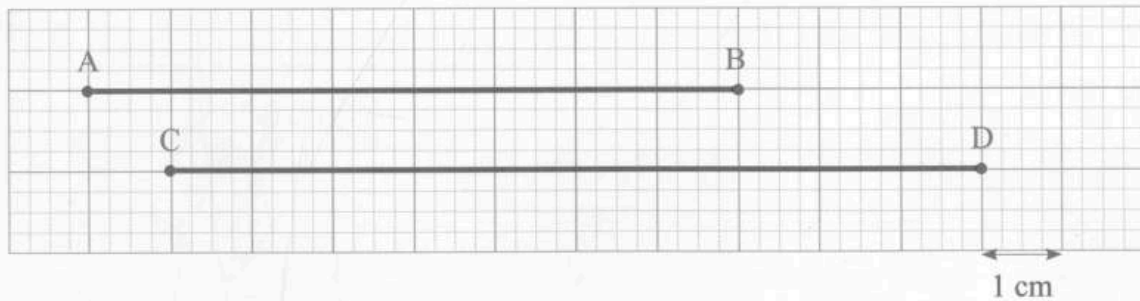
d. Điểm I là trung điểm của đoạn thẳng

.



Bài 3

Xác định trung điểm E của đoạn thẳng AB và trung điểm G của đoạn thẳng CD.



Bài 4

Dùng thước kẻ:

a. Vẽ đoạn thẳng MN có độ dài bằng 10 cm.

b. Xác định điểm O là trung điểm của đoạn thẳng MN vừa vẽ.

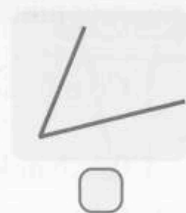
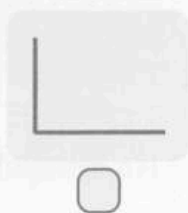
c. Xác định điểm P nằm ở giữa hai điểm MN, biết độ dài đoạn thẳng MP bằng 7 cm.

☐ Đường kính dài bằng 2 lần bán kính.

A black and white illustration of a pond. The pond is an irregular oval shape with a thick, dark border. Inside the pond, there are several lily pads, which are dark, oval-shaped leaves with prominent veins. Interspersed among the lily pads are several lily flowers, each with a long stem and a single flower head. The water in the pond is represented by a light, stippled texture.

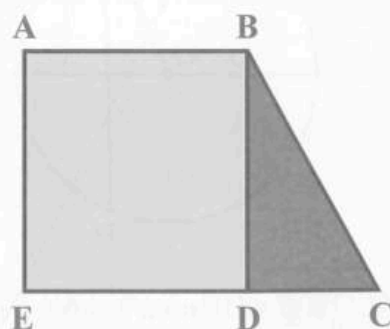
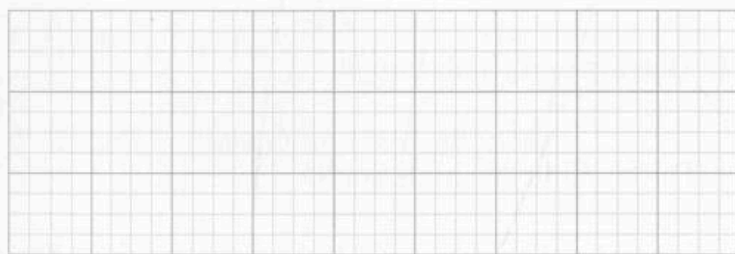


Bài 1 Dùng ê ke xác định, điền dấu (✓) vào ô trống dưới những góc vuông.

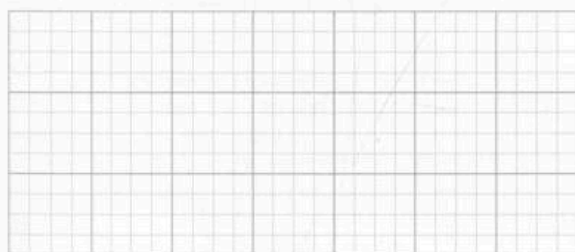


Bài 2 Dùng ê ke để xác định góc vuông và góc không vuông.

a. Viết tên đỉnh, cạnh các góc không vuông:

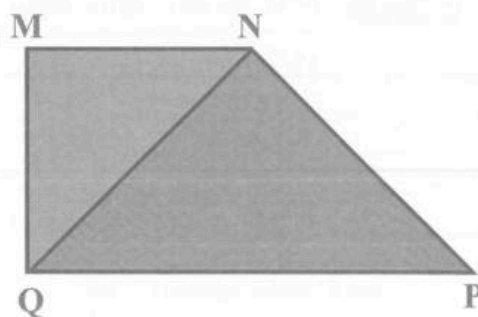


b. Viết tên đỉnh, cạnh các góc vuông:



Bài 3 Dùng ê ke để xác định góc vuông và góc không vuông.

a. Viết tên đỉnh, cạnh các góc vuông:



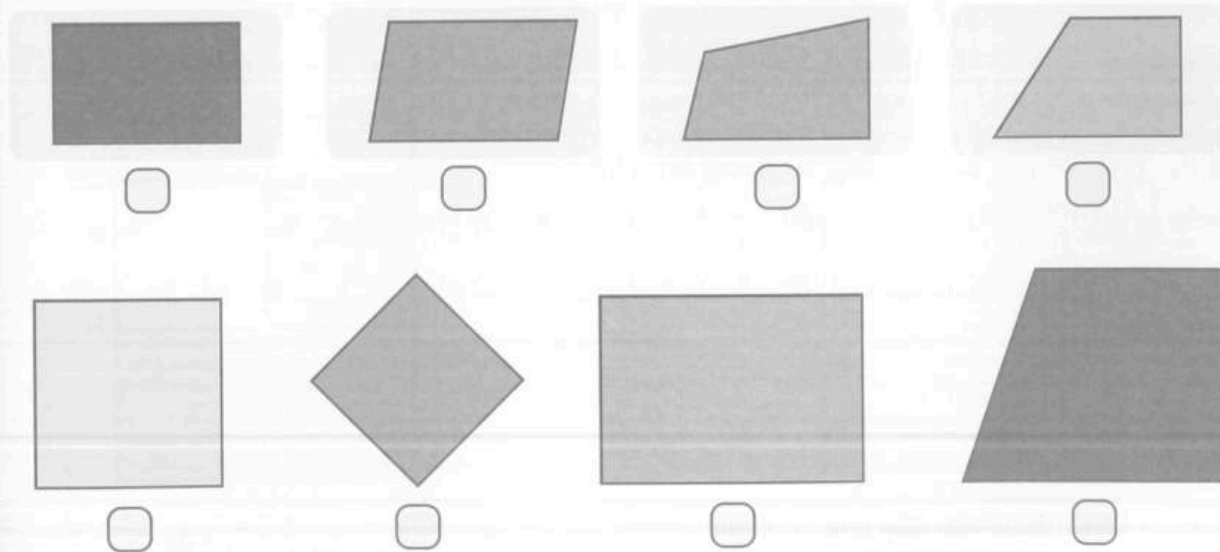
b. Dùng ê ke vẽ thêm một đường thẳng duy nhất để hình vẽ trên có 6 góc vuông:



Bài 1 Viết tên các đỉnh và các cạnh của mỗi hình (theo mẫu).

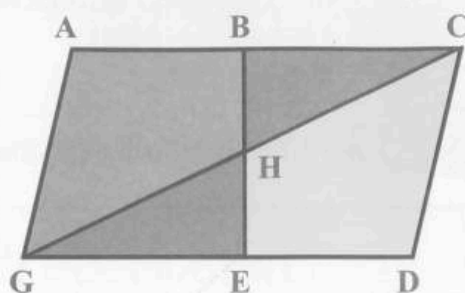
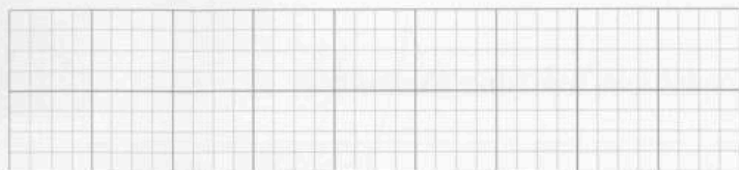
Tên hình	Hình tam giác			
Các đỉnh	A, B, C			
Các cạnh	AB, BC, CA			

Bài 2 Dùng ê ke và thước thẳng để xác định. Điền dấu (✓) vào ô trống dưới những hình chữ nhật và điền dấu (✗) vào ô trống dưới những hình vuông.



Bài 3 Viết tên các hình tam giác và hình tứ giác có trong hình sau:

a. Hình vẽ bên có các hình tam giác là:

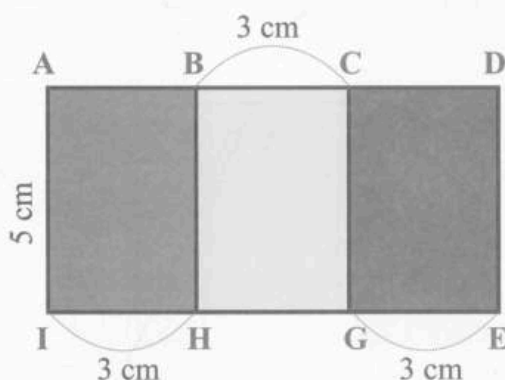
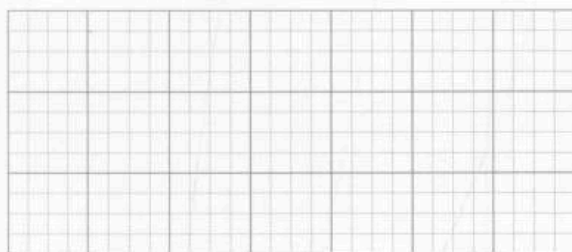


b. Hình vẽ bên có các hình tứ giác là:



★ Bài 4 Quan sát hình vẽ bên và:

a. Viết tên các hình chữ nhật có trong hình vẽ:

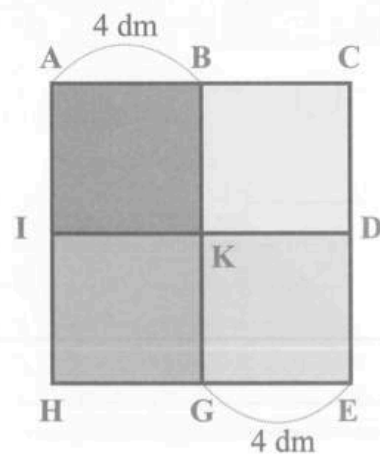
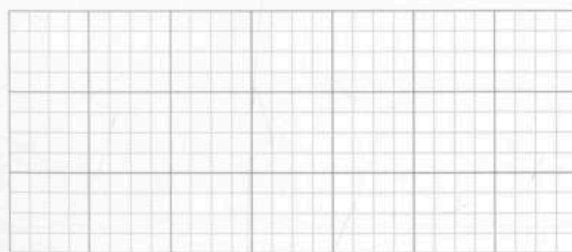


b. Xác định độ dài của các cạnh sau:

$AB =$  cm ; $GH =$  cm ; $BH =$  cm ; $AD =$  cm

★ Bài 5 Quan sát hình vẽ bên và:

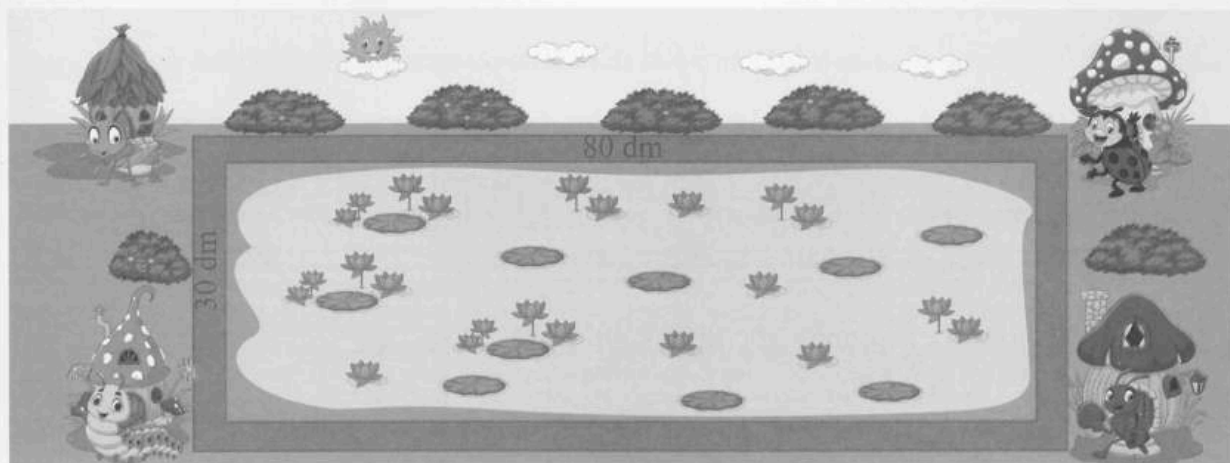
a. Viết tên các hình vuông có trong hình vẽ:



b. Xác định độ dài của các cạnh sau:

$BC =$  dm ; $AI =$  dm ; $DK =$  dm ; $CE =$  dm

Nhà các bạn Châu Châu, Cánh Cam, Kiến và Sâu ở bốn đỉnh của hình chữ nhật (như bức tranh).



a. Hỏi nhà Kiến cách nhà Cánh Cam và cách nhà Sâu bao nhiêu đề-xi-mét?

Trả lời: Nhà Kiến cách nhà Cánh Cam dm và cách nhà Sâu dm.

b. Hỏi nhà Sâu cách nhà Cánh Cam bao nhiêu đề-xi-mét?

Bài giải

c. Sáng nay, Kiến chạy một vòng quanh hồ nước, đi qua nhà Sâu, nhà Châu Châu và nhà Cánh Cam. Hỏi sáng nay Kiến đã chạy quãng đường dài bao nhiêu đề-xi-mét?

Bài giải



I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

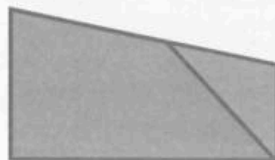
Câu 1 Hình vẽ bên có mấy góc vuông?

- A. 7 góc
- B. 5 góc
- C. 6 góc
- D. 4 góc



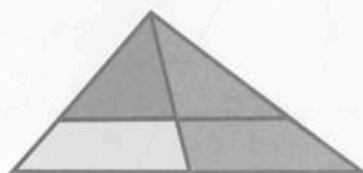
Câu 2 Hình vẽ bên có mấy góc không vuông?

- A. 4 góc
- B. 5 góc
- C. 6 góc
- D. 7 góc



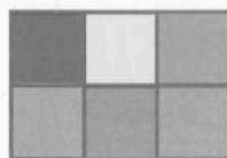
Câu 3 Hình vẽ bên có mấy hình tam giác?

- A. 5 hình
- B. 6 hình
- C. 4 hình
- D. 3 hình



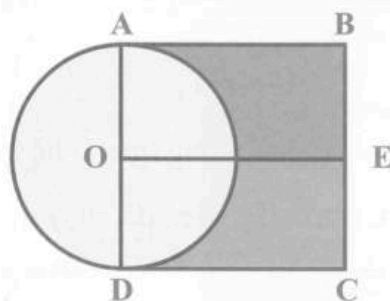
Câu 4 Hình vẽ bên có mấy hình vuông?

- A. 7 hình
- B. 8 hình
- C. 9 hình
- D. 10 hình



Câu 5 Hình tròn tâm O có bán kính bằng 8 dm (như hình vẽ). Vậy độ dài cạnh AB của hình vuông ABCD là:

- A. 4 dm
- B. 8 dm
- C. 10 dm
- D. 16 dm



II. Phần tự luận.

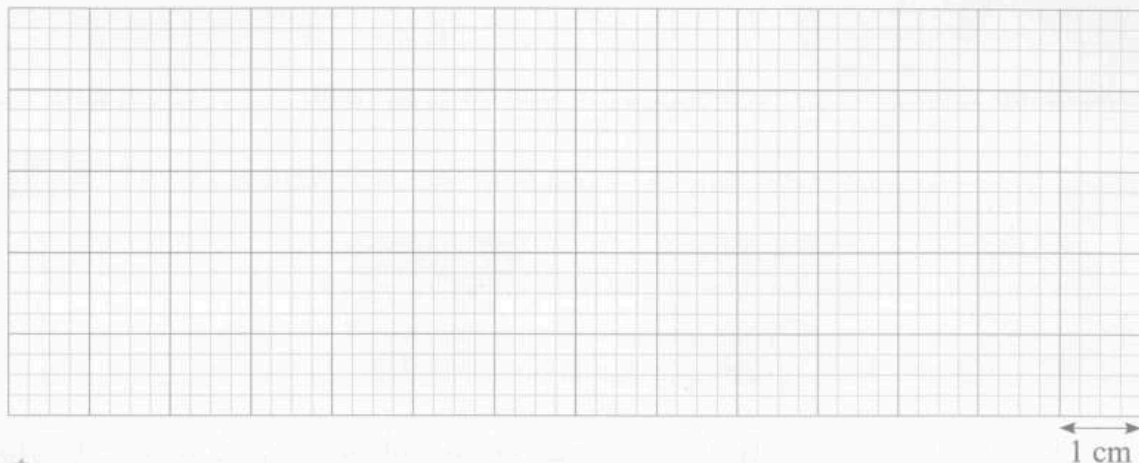
Bài 1 Đ, S ?

- ☐ a. Hình vuông có 4 cạnh bằng nhau.
- ☐ b. Hình chữ nhật có 4 góc vuông.

☐ c. Hình có 4 đỉnh, 4 cạnh và 4 góc vuông cũng là hình tứ giác.

☐ d. Hình có 4 cạnh bằng nhau chắc chắn là hình vuông.

Bài 2 Vẽ một hình chữ nhật có chiều dài là 4 cm, chiều rộng là 3 cm; một hình vuông có cạnh là 3 cm và một hình tròn có bán kính là 2 cm.

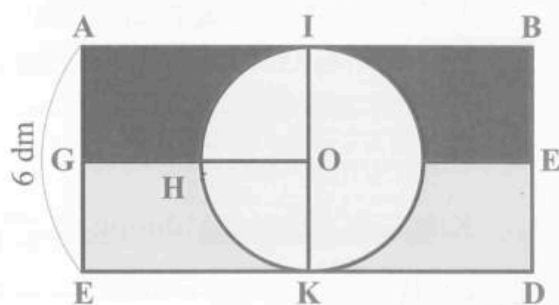


Bài 3 Quan sát hình vẽ bên và cho biết:

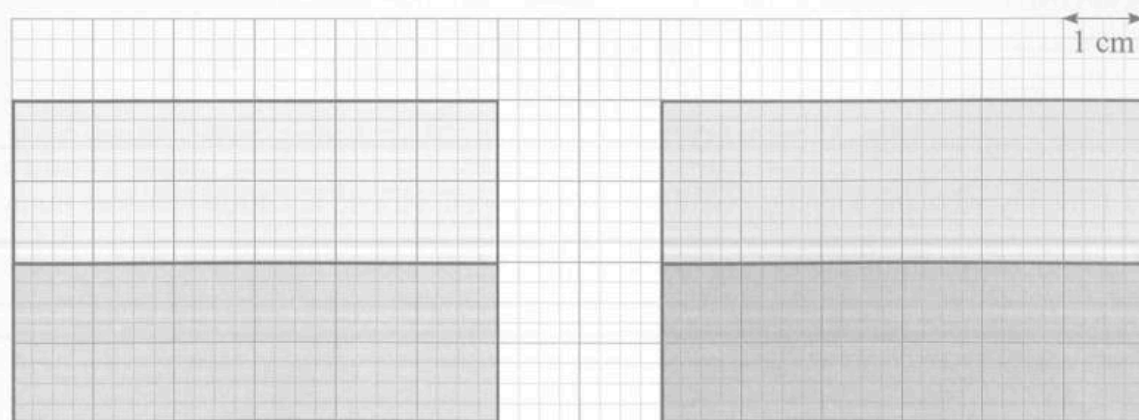
a. Hình tròn tâm O có bán kính là dm.

b. Độ dài của đoạn thẳng AI là dm.

c. Độ dài của đoạn thẳng GH là dm.



Bài 4 Dùng ê ke và thước thẳng vẽ thêm một đoạn thẳng duy nhất để mỗi hình vẽ có:



9 hình chữ nhật

3 hình vuông



Bài 1 Điền vào chỗ trống.

a. Khối hộp chữ nhật có  đỉnh,  cạnh và  mặt.

b. Khối lập phương có  đỉnh,  cạnh và  mặt.

Bài 2 Đ, S ?

- ☐ a. Các mặt của khối hộp chữ nhật đều là hình chữ nhật.
- ☐ b. Các mặt của khối lập phương đều là hình chữ nhật.
- ☐ c. Khối lập phương và khối hộp chữ nhật có số đỉnh, số cạnh và số mặt bằng nhau.
- ☐ d. Các cạnh của khối hộp chữ nhật có độ dài bằng nhau.

Bài 3 Quan sát bức tranh và điền vào chỗ trống cho thích hợp.

a. Hỏi để đến chỗ viên kẹo,
Kiến cần đi quãng đường
dài bao nhiêu xăng-ti-mét?

Trả lời:

Kiến cần đi quãng đường dài

 cm.



b. Kiến lấy và mang viên kẹo về nhà theo đường cũ. Hỏi để lấy được viên kẹo mang về nhà, Kiến đã đi quãng đường dài bao nhiêu xăng-ti-mét?

Trả lời:

Kiến đã đi quãng đường dài  cm.

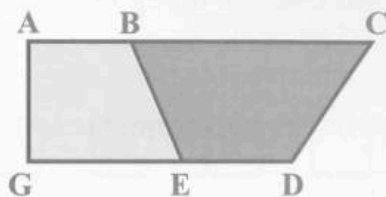


I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 B là điểm ở giữa hai điểm nào?

- A. A và C B. A và D
C. A và E D. G và D



Câu 2 Trong các hình dưới đây, hình nào nhiều góc vuông nhất?



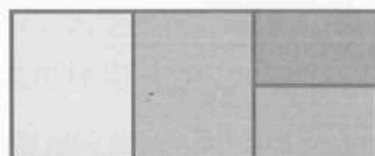
Câu 3 Hình vẽ bên có mấy hình tứ giác?

- A. 5 hình B. 6 hình
C. 4 hình D. 7 hình



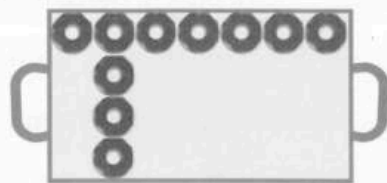
Câu 4 Hình vẽ bên có mấy hình chữ nhật?

- A. 7 hình B. 8 hình
C. 9 hình D. 10 hình



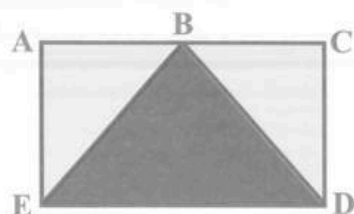
Câu 5 khay đựng bánh có dạng hình chữ nhật (như hình vẽ). Mỗi chiếc bánh có dạng hình tròn đường kính 6 cm. Vậy chiều dài của khay đựng bánh là:

- A. 36 cm B. 30 cm C. 48 cm D. 42 cm



II. Phần tự luận.

Bài 1 Viết tên các hình tam giác và hình tứ giác có trong hình sau.



Bài 2

Người ta xếp các tảng đá có dạng khối lập phương cạnh dài 5 dm thành một bức tường. Quan sát bức tranh và cho biết:

a. Chiều dài của bức tường là  dm.

b. Chiều cao của bức tường là  dm.



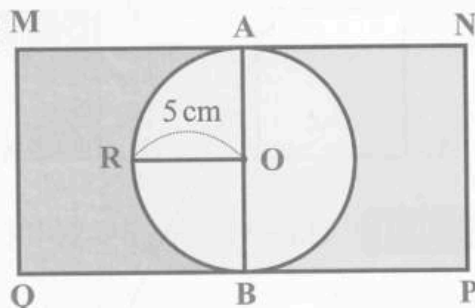
Bài 3

Hình **MABQ** và **ANPB** là hai hình vuông. Quan sát và cho biết:

a. Đường kính của hình tròn tâm O là



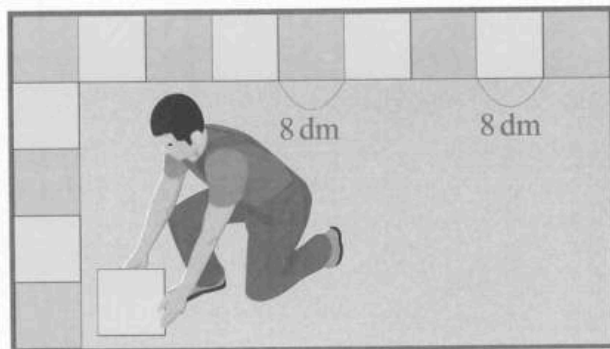
b. Chiều dài của hình chữ nhật **MNPQ**



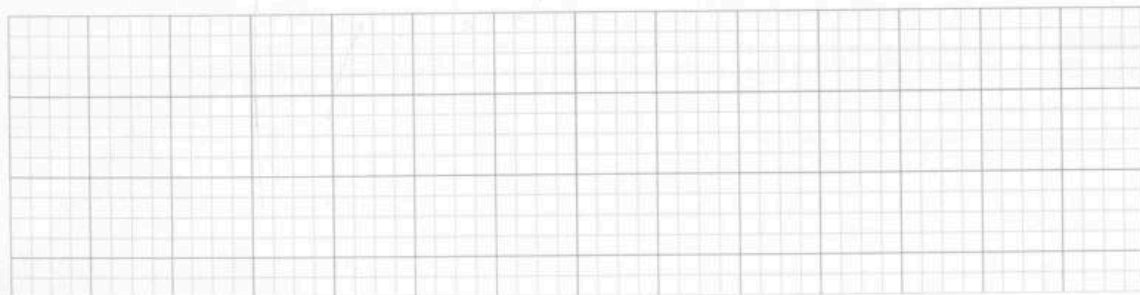
c. Để đi từ điểm **M** qua điểm **N** đến điểm **P**, Kiến cần đi quãng đường dài  cm.

Bài 4

Bác thợ xây lát 9 viên gạch men thì vừa hết chiều dài của một căn phòng dạng hình chữ nhật. Viên gạch men có dạng hình vuông cạnh dài 8 dm (như bức tranh). Hỏi chiều dài của căn phòng đó là bao nhiêu đề-xi-mét?



Bài giải





I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Phép nhân thích hợp là:

A. 13×3 B. 13×2

C. 12×3 D. 11×3

$(13) + (13) + (13) = (?) (?) (?)$

Câu 2 Tích của 12 và 4 là:

A. 16

B. 8

C. 46

D. 48

Câu 3 Trong các phép tính sau, phép tính có kết quả lớn nhất là:

A. 15×4

B. 27×2

C. 20×4

D. 13×5

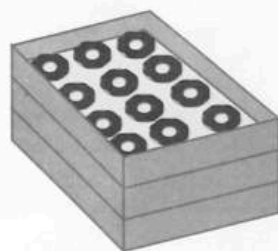
Câu 4 Một hộp bánh có 12 cái bánh. Mẹ mua cho An 3 hộp bánh như vậy. Số bánh mà An nhận được là:

A. 15 cái bánh

B. 36 cái bánh

C. 38 cái bánh

D. 24 cái bánh



Câu 5 Trong phòng sinh hoạt chung có 5 hàng ghế, mỗi hàng ghế có 15 người ngồi.

Vậy số người có trong phòng sinh hoạt chung là:

A. 20 người

B. 60 người

C. 75 người

D. 80 người

II. Phần tự luận.

Bài 1 Tính.

$$\begin{array}{r} 23 \\ \times 2 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 11 \\ \times 7 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 22 \\ \times 3 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 33 \\ \times 2 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 21 \\ \times 4 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 41 \\ \times 2 \\ \hline \end{array}$$

Bài 2 Tính nhẩm.

$20 \times 2 =$ 

$30 \times 3 =$ 

$42 \times 2 =$ 

$40 \times 2 =$ 

$10 \times 9 =$ 

$44 \times 2 =$ 

Bài 3 Đặt tính rồi tính.

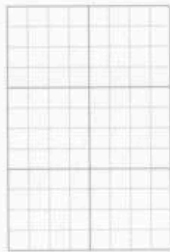
15×3

28×3

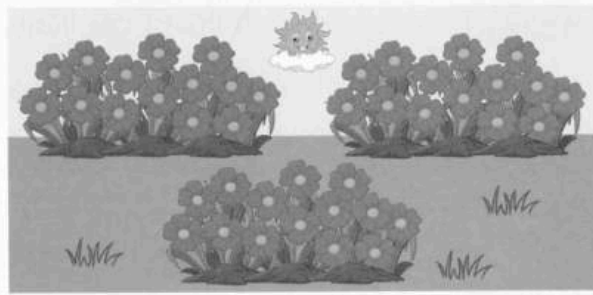
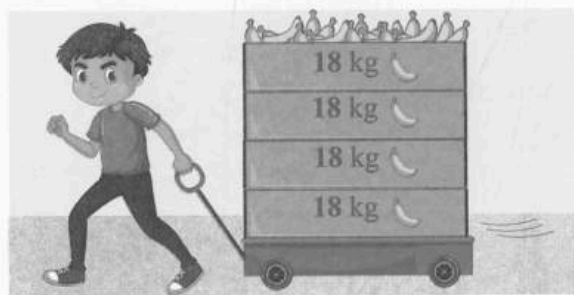
12×8

34×2

14×7



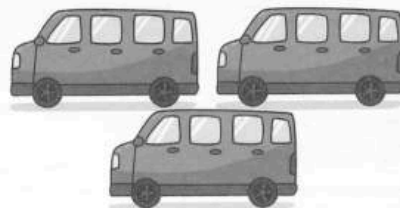
Bài 4 Quan sát bức tranh rồi viết phép nhân thích hợp.



 $\times$  = 

Bài 5 Một đoàn khách thuê 3 chiếc xe để đi thăm quan vịnh Hạ Long. Mỗi xe chở 16 người. Hỏi đoàn khách đó có bao nhiêu người?

Bài giải





I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 8 gấp lên 6 lần được mấy?

- A. 14 B. 18 C. 48 D. 42

Câu 2 7 gấp lên mấy lần thì được 56?

- A. 8 lần B. 7 lần C. 6 lần D. 5 lần

Câu 3 Con mèo cân nặng 6 kg. Con chó cân nặng gấp 4 lần con mèo. Vậy con chó cân nặng là:

- A. 10 kg B. 24 kg C. 30 kg D. 18 kg



Câu 4 Nhà An có 2 chục con gà. Số vịt gấp 4 lần số gà. Vậy số vịt nhà An có là:

- A. 8 con B. 60 con
C. 50 con D. 80 con



Câu 5 Tháng trước có 24 bạn tham gia câu lạc bộ Tiếng Anh của trường. Tháng này số bạn tham gia câu lạc bộ gấp 3 lần so với tháng trước. Vậy số bạn tham gia câu lạc bộ Tiếng Anh tháng này là:

- A. 26 bạn B. 48 bạn C. 72 bạn D. 64 bạn

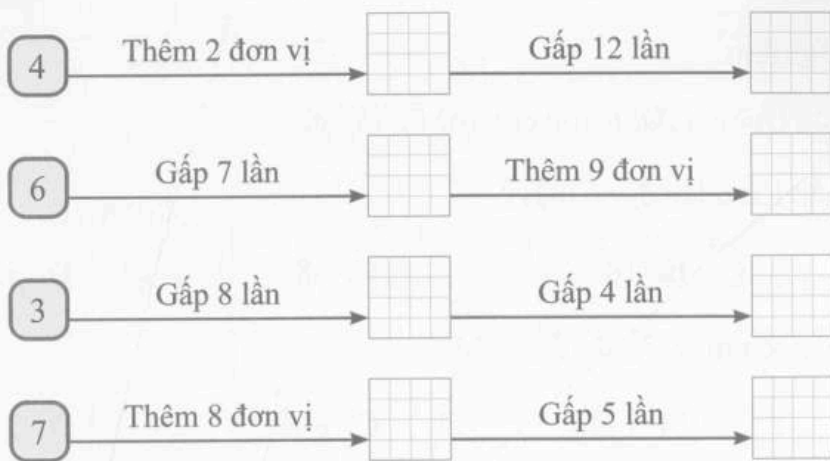
II. Phần tự luận.

Bài 1 Số?

Số đã cho	9	7	12	14	8	15
Nhiều hơn số đã cho 6 đơn vị						
Gấp số đã cho lên 6 lần						

Bài 2

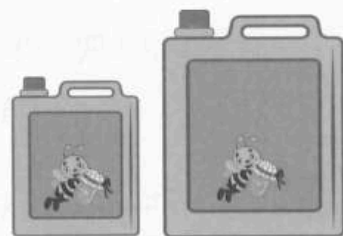
Số?



Bài 3

Anh Huy rót mật ong vào hai chiếc can. Can nhỏ có 5 l mật ong. Can to có số lít mật ong gấp 3 lần can nhỏ. Hỏi can to có bao nhiêu lít mật ong?

Bài giải



Bài 4

Năm nay Bình 7 tuổi. Tuổi của mẹ gấp 5 lần tuổi của Bình. Hỏi năm nay mẹ Bình bao nhiêu tuổi?

Bài giải





Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Phép chia nào dưới đây là phép chia có dư?

A. 48 : 6

B. 35 : 5

C. 24 : 8

D. 29 : 4

Câu 2 19 chia 5 được 3, dư mấy?

A. 4

B. 3

C. 2

D. 1

Câu 3 Trong một phép chia có dư với số chia là 6, số nào dưới đây không thể là số dư của phép chia đó?

A. 4

B. 6

C. 3

D. 5

Câu 4 Trong các phép chia có dư với số chia là **8**, số nào dưới đây là số dư lớn nhất của các phép chia đó?

A. 6

B. 5

C. 7

D. 9

Câu 5 Anh Huy muốn rót hết 40 l mật ong vừa thu hoạch được vào các can 7 l. Vậy để rót hết số mật ong đó, anh Huy cần ít nhất mấy chiếc can?



A. 4 chiếc can

B. 5 chiếc can

C. 6 chiếc can

D. 7 chiếc can

II. Phần tự luận.

Bài 1 Số?

26 : 4 =

 (dur

)

Thương là:

Số dư là:

$57 : 6 =$  (dur )

Thương là:

Số dư là:

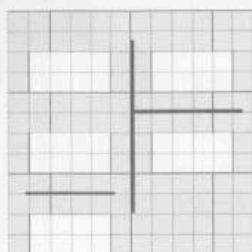
85 : 9 =  (dur )

Thương là:

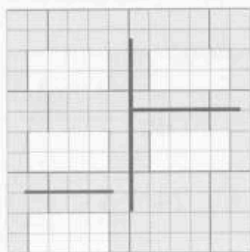
Số dư là:

Bài 2 Tính.

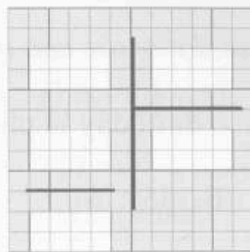
$32 : 8$



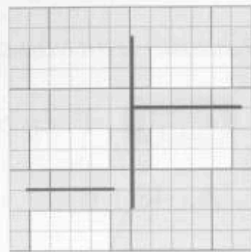
$55 : 7$



$23 : 4$



$16 : 3$



Bài 3 Số?

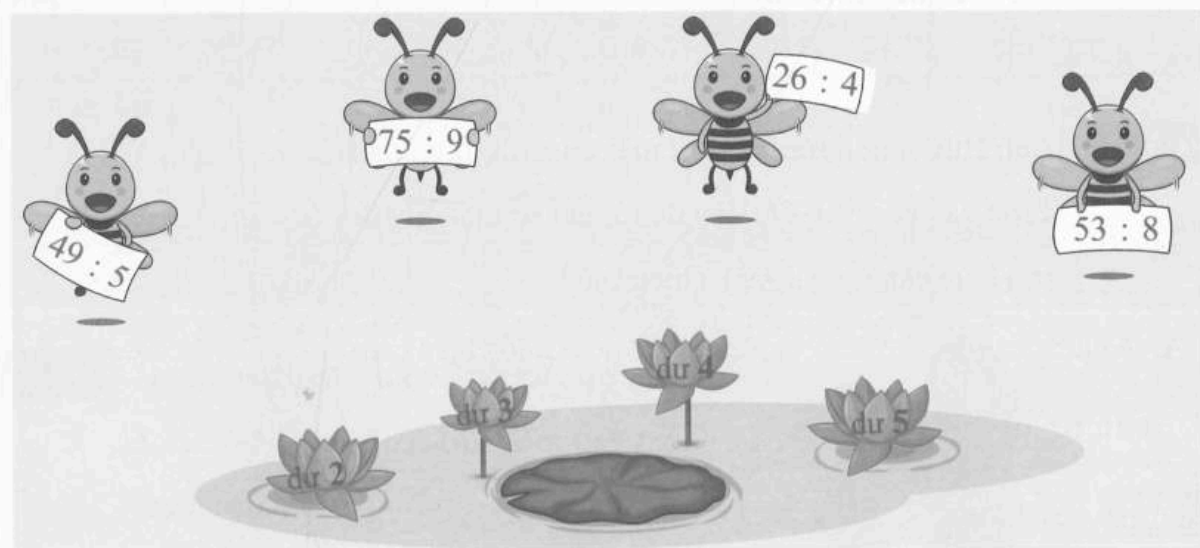
$34 : 6 = \square \text{ (dư } \square \text{)}$

$27 : 4 = \square \text{ (dư } \square \text{)}$

$13 : 2 = \square \text{ (dư } \square \text{)}$

$61 : 8 = \square \text{ (dư } \square \text{)}$

Bài 4 Nối mỗi phép chia dưới đây với số dư thích hợp.



Bài 5 Có 18 bạn nhỏ cần qua sông đến trường, mỗi chuyến đò cô Tư chở được nhiều nhất 4 bạn nhỏ. Hỏi cô Tư cần chở ít nhất mấy chuyến đò để đưa hết các bạn nhỏ qua sông?

Trả lời: Cô Tư cần chở ít nhất $\square$ chuyến đò để đưa hết các bạn nhỏ qua sông.



I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Thương của 48 và 4 là:

A. 44

B. 11

C. 12

D. 10

Câu 2 Phép chia có số dư bằng 3 là:

A. $72 : 5$

B. $23 : 4$

C. $76 : 9$

D. $68 : 7$

Câu 3 Trong các phép tính sau, phép tính có kết quả nhỏ nhất là:

A. $42 : 3$

B. $90 : 5$

C. $75 : 3$

D. $80 : 4$

Câu 4 Trong các phép tính sau, phép tính có số dư lớn nhất là:

A. $59 : 5$

B. $90 : 8$

C. $67 : 4$

D. $90 : 7$

Câu 5 Số?

A. 80

B. 72

$$\boxed{?} : \boxed{8} = \boxed{24} : \boxed{2}$$

C. 96

D. 88

Câu 6 Mẹ cắt một tấm vải thành 4 mảnh dài bằng nhau. Mỗi mảnh vải dài 24 dm. Vậy chiều dài của tấm vải lúc đầu là:

A. 96 dm

B. 28 dm

C. 48 dm

D. 6 m

Câu 7 Các con chó cân nặng bằng nhau (như bức tranh). Mỗi con chó cân nặng là:

A. 12 kg

B. 13 kg

C. 14 kg

D. 15 kg



II. Phần tự luận.

Bài 1 Đ, S ?

$$\begin{array}{r} 24 \overline{) 2} \\ 2 \overline{) 12} \\ 04 \\ 4 \\ 0 \end{array}$$



$$\begin{array}{r} 46 \overline{) 4} \\ 4 \overline{) 11} \\ 06 \\ 4 \\ 2 \end{array}$$



$$\begin{array}{r} 45 \overline{) 3} \\ 3 \overline{) 15} \\ 15 \\ 15 \\ 0 \end{array}$$

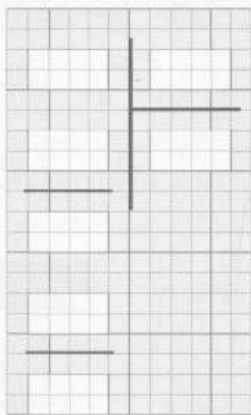


$$\begin{array}{r} 68 \overline{) 5} \\ 5 \overline{) 13} \\ 18 \\ 15 \\ 3 \end{array}$$

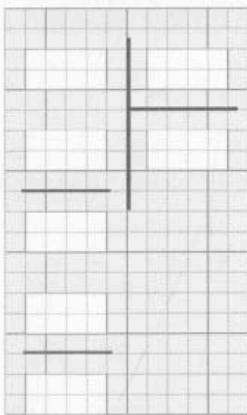


* Bài 2 Tính.

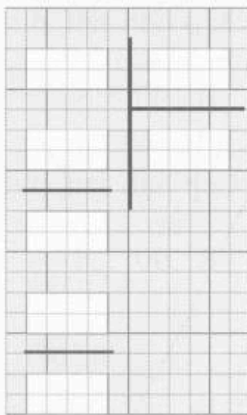
$$56 : 4$$



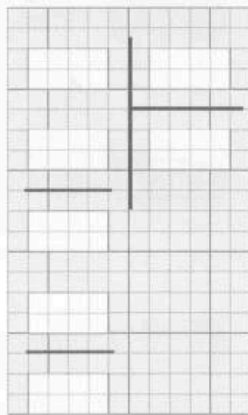
$$87 : 3$$



$$91 : 2$$

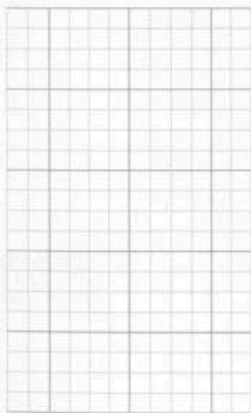


$$88 : 7$$

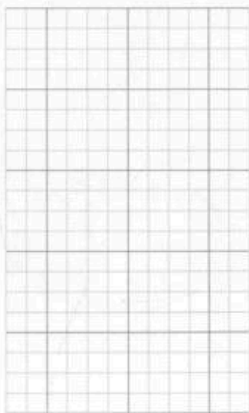


* Bài 3 Đặt tính rồi tính.

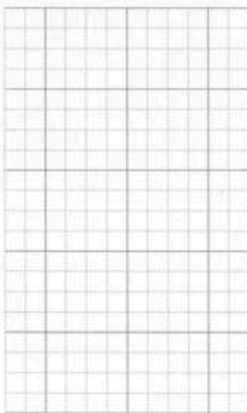
$$92 : 4$$



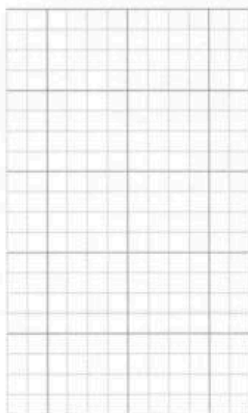
$$84 : 7$$



$$75 : 6$$



$$94 : 8$$



* Bài 4 Số?



I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Giảm 45 đi 5 lần được mấy?

- A. 40 B. 9 C. 10 D. 50

Câu 2 Giảm 56 đi mấy lần để được 8?

- A. 5 lần B. 6 lần C. 7 lần D. 8 lần

Câu 3 Số?

- A. 11 B. 12
C. 13 D. 14

$$\boxed{96} : \boxed{?} = \boxed{64} : \boxed{8}$$

Câu 4 Con lợn cân nặng 60kg. Cân nặng của con dê bằng cân nặng của con lợn giảm đi 3 lần. Vậy con dê cân nặng là:



- A. 17 kg B. 18 kg C. 19 kg D. 20 kg

Câu 5 Hôm qua cửa hàng bán được 38 bộ quần áo. Hôm nay số bộ quần áo cửa hàng bán được giảm đi 2 lần so với hôm qua. Vậy số bộ quần áo hôm nay cửa hàng bán được là:



- A. 19 bộ quần áo B. 36 bộ quần áo C. 22 bộ quần áo D. 18 bộ quần áo

II. Phần tự luận.

Bài 1 Số?

Số đã cho	14	35	49	63	84	98
Ít hơn số đã cho 7 đơn vị						
Giảm số đã cho đi 7 lần						

Bài 2 Số?

$$4 \times \begin{array}{|c|c|c|c|} \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline \end{array} = 76$$

$$45 : \begin{array}{|c|c|c|c|} \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline \end{array} = 9$$

$$81 : \begin{array}{|c|c|c|c|} \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline \end{array} = 9$$

$$6 \times \begin{array}{|c|c|c|c|} \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline \end{array} = 84$$

$$72 : \begin{array}{|c|c|c|c|} \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline \end{array} = 8$$

$$48 : \begin{array}{|c|c|c|c|} \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline \end{array} = 8$$

Bài 3 Số?

$$4 \xrightarrow{\text{Gấp 12 lần}} \begin{array}{|c|c|c|c|} \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline \end{array} \xrightarrow{\text{Giảm 8 lần}} \begin{array}{|c|c|c|c|} \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline \end{array}$$

$$63 \xrightarrow{\text{Giảm 9 lần}} \begin{array}{|c|c|c|c|} \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline \end{array} \xrightarrow{\text{Gấp 13 lần}} \begin{array}{|c|c|c|c|} \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline \end{array}$$

Bài 4

Buổi sáng cô Hà bán được 32 kg trái cây. Buổi chiều khối lượng trái cây bán được giảm đi 4 lần so với buổi sáng. Hỏi buổi chiều cô Hà bán được mấy ki-lô-gam trái cây?

Bài giải



Bài 5

Trước đây, gia đình An thu hoạch xong lúa trong 12 ngày. Hiện tại, nhờ có máy gặt, thời gian thu hoạch lúa giảm đi 3 lần so với trước đây. Hỏi hiện tại gia đình An thu hoạch xong lúa trong mấy ngày?

Bài giải



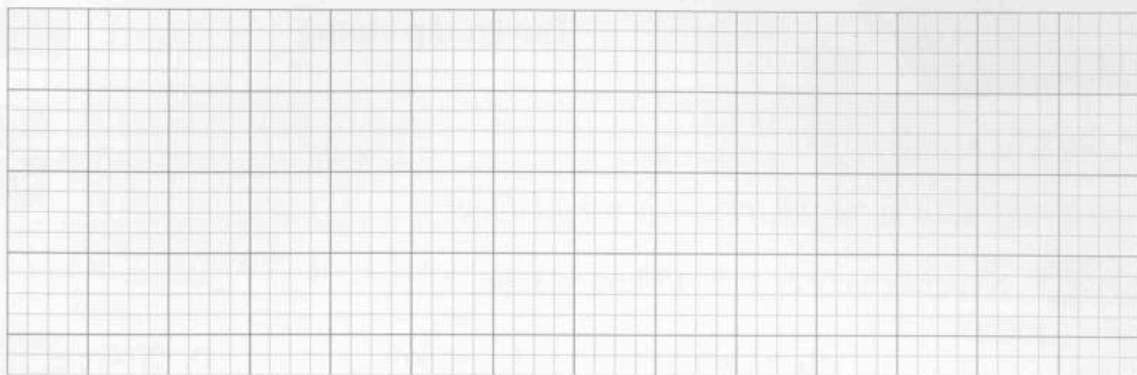
Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

A. 23 viên bi **B.** 38 viên bi **C.** 22 viên bi **D.** 28 viên bi

A. 24 l B. 39 l C. 21 l D. 6 l

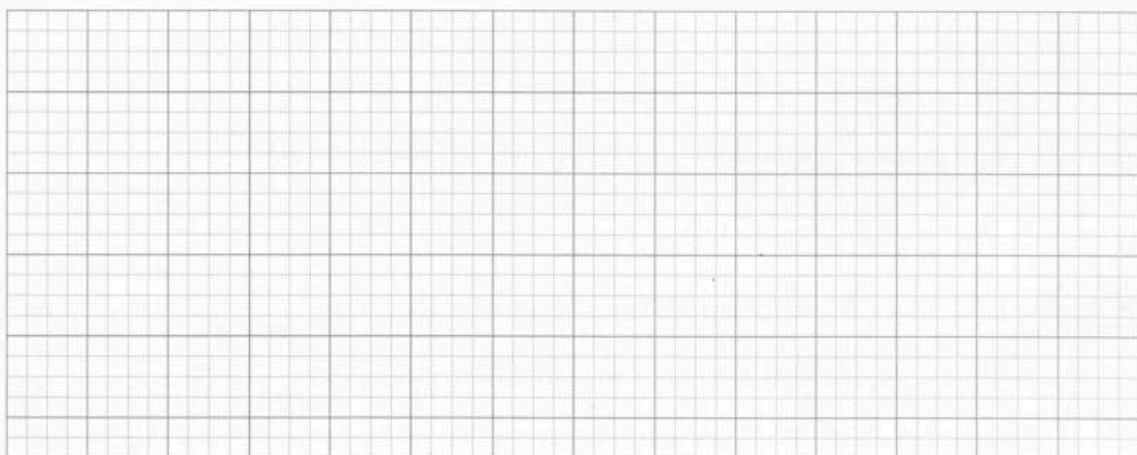
A. 72 quả dứa B. 46 quả dứa C. 24 quả dứa D. 62 quả dứa

A. 75 con B. 100 con C. 43 con D. 50 con



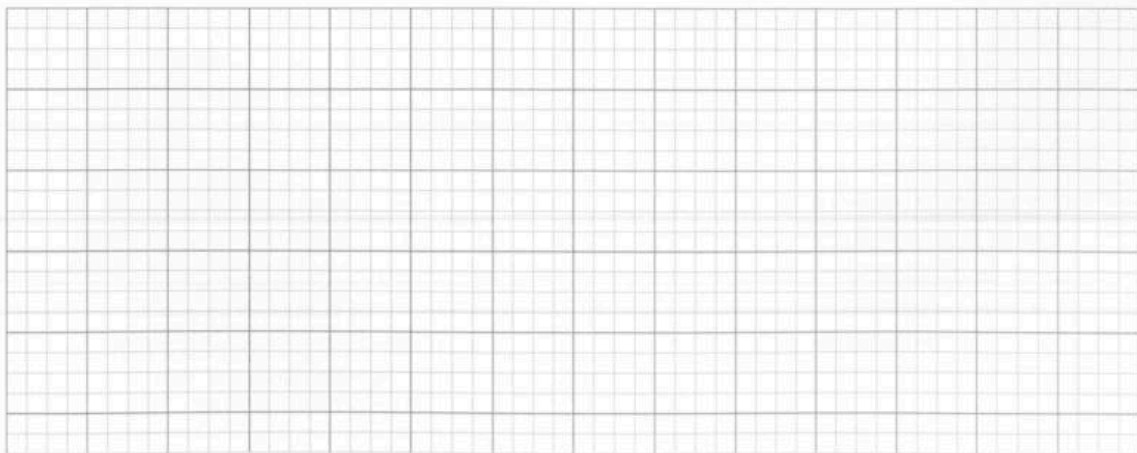
Bài 3 Xe ô tô to chở được 42 người. Số người xe ô tô nhỏ chở được bằng số người xe ô tô to chở được giảm đi 6 lần. Hỏi cả hai xe ô tô chở được bao nhiêu người?

Bài giải



Bài 4 Nhà An có 5 bao gạo, mỗi bao gạo có 16 kg gạo. Mẹ lấy toàn bộ số gạo đó chia đều cho 8 gia đình có hoàn cảnh khó khăn trong xóm. Hỏi mỗi gia đình nhận được bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

Bài giải





Bài 2

Tính.

$14 \times 6 =$ 

$30 \times 2 =$ 

$88 : 4 =$ 

$91 \cdot 7 =$

$12 \times 8 =$ 

$20 \times 4 =$ 

$80 : 5 =$

$57 : 3 =$

Bài 3

Số?

24 $\xrightarrow{\text{Gấp 4 lần}}$ $\xrightarrow{\text{Giảm 8 lần}}$

65 Giảm 5 lần  Gấp 6 lần 

Bài 4

Hỏi cây xà cừ cao bao nhiêu đề-xi-mét?

Bài giải



Bài 5

1 mật ong. Cô muốn rót hết số mật ong thu hoạch được hai ngày vừa qua vào các chai 2 l. Hỏi cô Ba cần bao nhiêu cái chai 2 l để đựng hết số mật ong đó?

Bài giải



I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 "5 cm = mm". Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

- A. 5 B. 50 C. 500 D. 1 000

Câu 2 Kết quả của phép tính $54 \text{ mm} : 3$ là:

- A. 18 mm B. 18 C. 19 mm D. 17 cm

Câu 3 Con kiến dài khoảng:



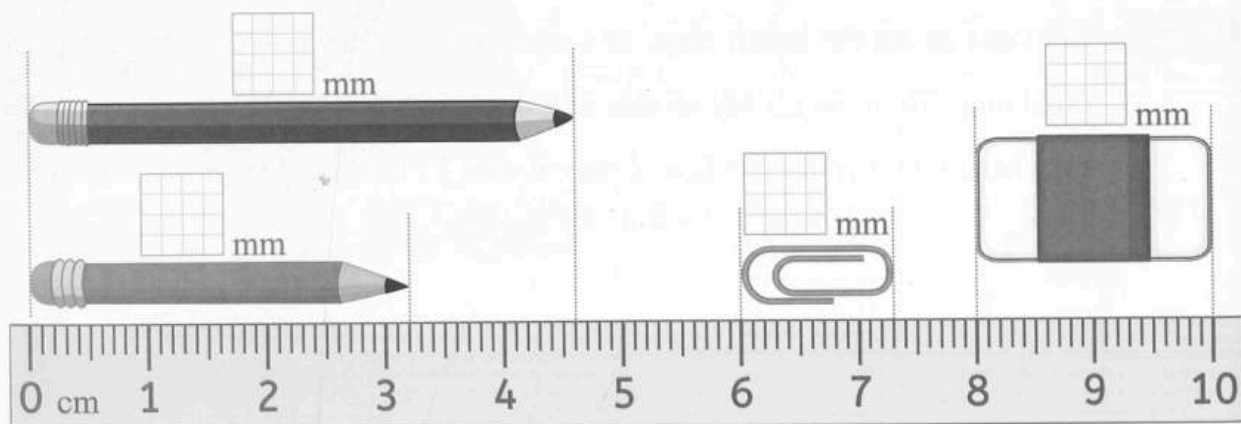
- A. 5 m B. 5 dm C. 5 cm D. 5 mm

Câu 4 Hoàng có trồng bốn cây hoa. Chiều cao của mỗi cây hoa lần lượt là: **7 dm**, **45 cm**, **600 mm** và **1 m**. Cây hoa cao nhất Hoàng trồng được có chiều cao là:

- A. 7 dm B. 45 cm C. 600 mm D. 1 m

II. Phần tự luận.

Bài 1 Số?



Bài 2 Số?

7 cm = mm

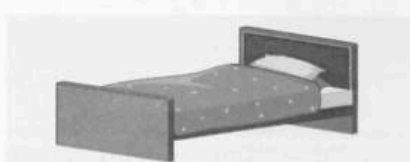
8 dm = mm

1 m = mm

10

$90 \text{ mm} : 6 =$

✱



Chiếc giường dài khoảng

2 

4

AB =  mm ; BC =  mm ; CD =  mm

$$9 \text{ mm} + 9 \text{ mm} + 9 \text{ mm} = 27 \text{ mm}$$

☆



Bài giải



I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 " 1 kg = g ". Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

- A. 10 B. 100 C. 200 D. 1 000

Câu 2 Quyền sách **Vở bài tập Toán 3 tập một** có cân nặng khoảng:

- A. 1 kg B. 220 g C. 2 kg D. 3 kg

Câu 3 Mẹ muốn mua 1 kg khoai lang. Cô bán hàng nói mỗi củ khoai cân nặng khoảng 200 g. Hà giúp mẹ nhặt khoai cho vào túi, cân lên thì vừa đủ 1 kg. Vậy Hà đã nhặt cho vào túi mấy củ khoai?

- A. 5 củ B. 4 củ C. 3 củ D. 2 củ



II. Phần tự luận.

Bài 1 Tính.

$$230 \text{ g} + 670 \text{ g} = \boxed{}$$

$$626 \text{ g} - 483 \text{ g} = \boxed{}$$

$$12 \text{ g} \times 8 = \boxed{}$$

$$8 \text{ g} \times 9 = \boxed{}$$

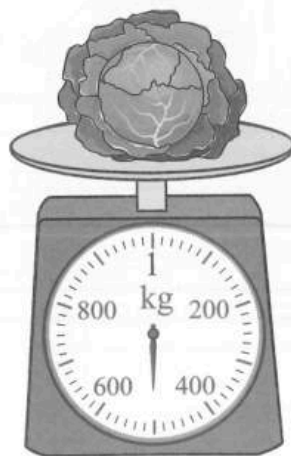
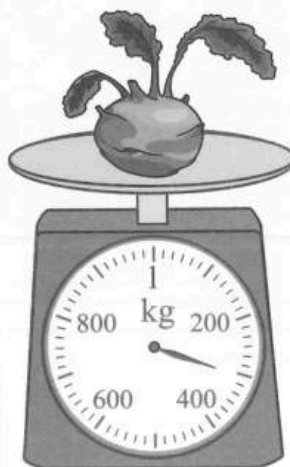
$$54 \text{ g} : 3 = \boxed{}$$

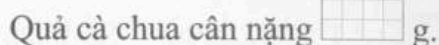
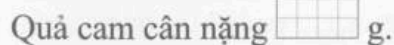
Bài 2 Số?

• Củ su hào cân nặng $\boxed{}$ g.

• Cây bắp cải cân nặng $\boxed{}$ g.

• Cây bắp cải nặng hơn củ su hào $\boxed{}$ g.





Bài 3

Nói.



3 kg

30 g

300 g

30 kg

Bài 4

Mẹ đi chợ mua cá về nấu bữa tối. Cửa hàng chỉ còn hai con cá, con cá to cân nặng 550 g, con cá nhỏ nhẹ hơn con cá to 150 g. Mẹ đã mua cả hai con cá. Hỏi mẹ đã mua bao nhiêu gam cá?



Bài giải

A full-page sheet of white graph paper with a light gray grid. The grid consists of small squares, approximately 10 units wide by 10 units high. There are no margins or additional markings on the page.



I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 " 1 l = ml ". Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

- A. 10 B. 100 C. 500 D. 1 000

Câu 2 Kết quả của phép tính $342 \text{ ml} + 265 \text{ ml}$ là:

- A. 607 ml B. 507 ml C. 598 ml D. 689 ml

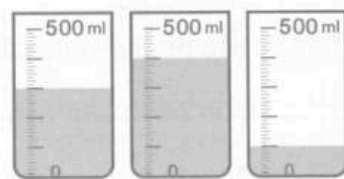
Câu 3 Lượng nước có trong ca (như bức tranh) là:

- A. 200 ml
B. 400 ml
C. 600 ml
D. 800 ml



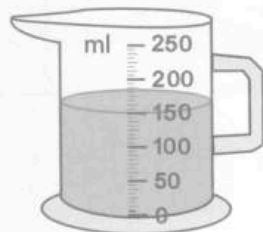
Câu 4 Nước trong ca được rót hết vào 3 cốc (như bức tranh). Vậy trong ca lúc đầu có:

- A. 1 l nước
B. 300 ml nước
C. 400 ml nước
D. 800 ml nước

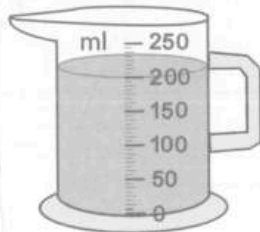


II. Phần tự luận.

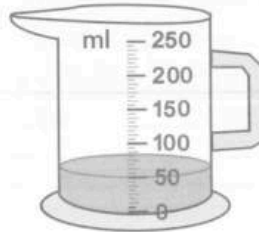
Bài 1 Mỗi bình dưới đây chứa bao nhiêu nước?



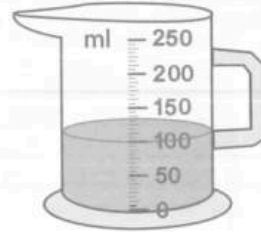
ml



ml



ml



ml

Bài 2 Tính.

[illegible]

20 ml $\times$ 4 =

$$620 \text{ ml} + 280 \text{ ml} =$$

95 ml : 5 =

Bài 3 > ; < ; = ?

800 ml + 200 ml  1 l

1 l  920 ml + 80 ml

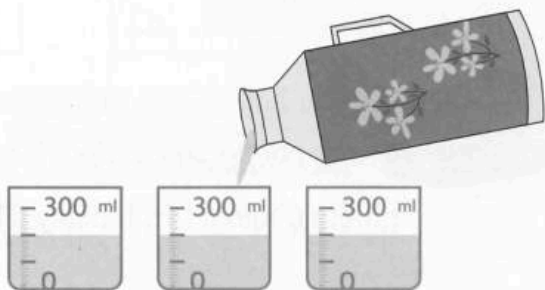
540 ml + 260 ml  1 l

1 l  1 000 ml - 30 ml

Bài 4 Nói:

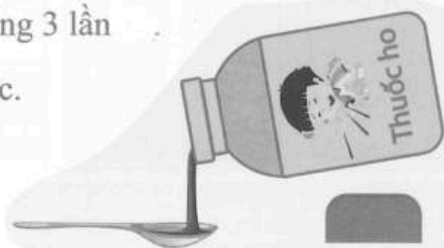
Trong phích nước có 1 l nước. Sau khi rót nước từ phích ra ba cốc (như bức tranh), trong phích còn lại

 ml nước.



Bài 5 An bị ho. Sau khi khám, bác sĩ lấy ra một lọ thuốc nước trị ho. Bác sĩ dặn mẹ cho An uống mỗi lần 2 thìa, mỗi ngày uống 3 lần sau bữa ăn. Biết mỗi thìa đựng 5 ml thuốc.

Hỏi mỗi ngày An cần uống bao nhiêu mi-li-lít thuốc ho?



Bài giải



A vertical thermometer with a scale from 0 to 50 degrees Celsius. The scale has major markings every 10 units (0, 10, 20, 30, 40, 50) and minor markings every 2 units. The liquid level is at the 15°C mark.



Bài giải

Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật
31 °C – 34 °C	35 °C – 37 °C	25 °C – 28 °C	22 °C – 25 °C	26 °C – 28 °C	31 °C – 35 °C	30 °C – 33 °C

b. Ngày nóng nhất trong tuần là

 với nhiệt độ cao nhất là

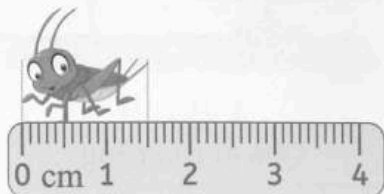


I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Chiều dài của con châu chấu (như bức tranh) là:

- A. 15 cm B. 13 mm
C. 15 mm D. 17 mm



Câu 2 Lượng nước có trong cốc (như bức tranh) là:

- A. 100 ml B. 200 ml
C. 300 ml D. 400 ml



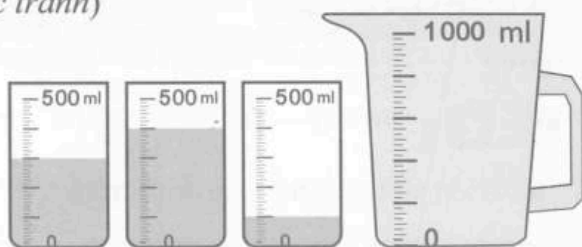
Câu 3 Mẹ Hà mua hai quả đu đủ. Quả to cân nặng 600 g, quả nhỏ nhẹ hơn quả to 200 g. Vậy khối lượng đu đủ mẹ Hà đã mua là:

- A. 400 g B. 800 g C. 900 g D. 1 kg



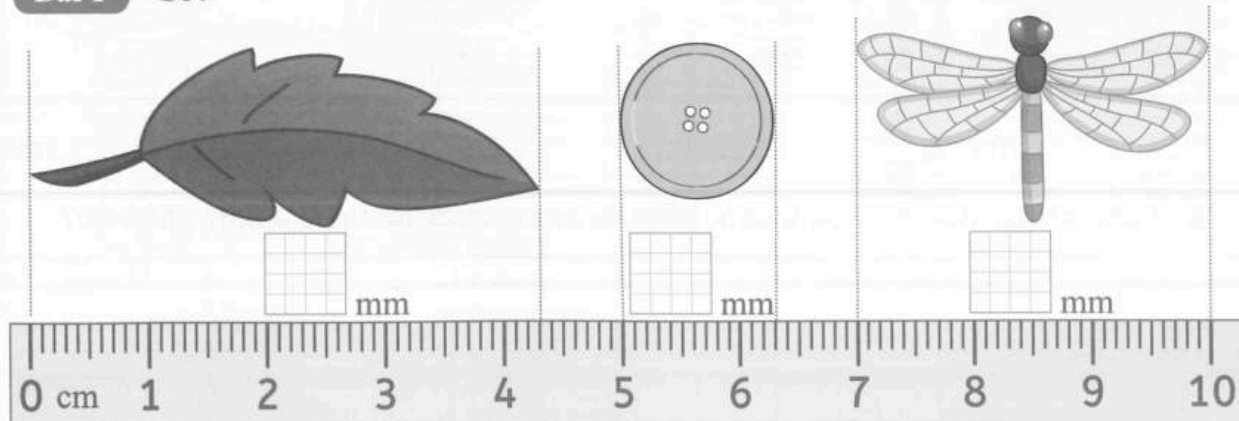
Câu 4 Nếu đổ hết nước từ ba cốc (như bức tranh) vào ca nước thì điều gì sẽ xảy ra?

- A. Nước sẽ tràn ra ngoài ca nước.
B. Nước vừa đủ đầy ca nước.
C. Ca nước chưa đầy nước.

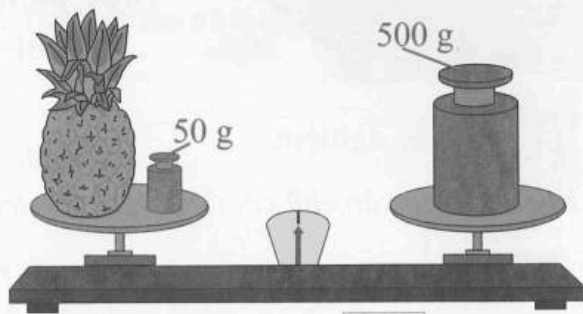


II. Phần tự luận.

Bài 1 Số?



Bài 2 Số?



Quả dưa cân nặng

 g.

Bài 3 Nồi nhiệt kế chỉ nhiệt độ không khí với mỗi bức tranh thích hợp.



Bài 4

a. Điền số thích hợp vào chỗ trống.



D

 ml

b. Làm thế nào để có hai bình nước đầy với lượng nước có trong 4 bình như trên?



I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Kết quả của phép tính $680 \text{ g} - 235 \text{ g} + 119 \text{ g}$ là:

- A. 564 g B. 326 g C. 574 g D. 336 g

Câu 2 Trong các ca nước sau, ca có ít nước nhất là:

- A.  B.  C.  D. 

Câu 3 Chai thứ nhất có 550 ml mật ong, chai thứ hai có ít hơn chai thứ nhất 100 ml mật ong. Vậy cả hai chai có:

- A. 450 ml mật ong B. 650 ml mật ong C. 1 l mật ong D. 900 ml mật ong

Câu 4 Một quả anh đào cân nặng khoảng 10 g. Chị Hà mua 9 quả anh đào còn lại của cửa hàng. Vậy khối lượng anh đào chị Hà đã mua là:

- A. 19 g B. 80 g C. 90 g D. 100 g



II. Phần tự luận.

Bài 1 Mỗi nhiệt kế dưới đây chỉ bao nhiêu độ C?











Bài 2 Tính.

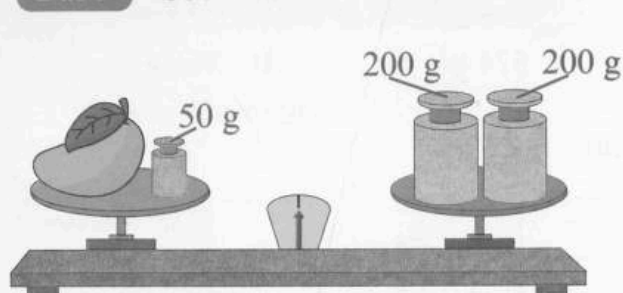
$$345 \text{ g} + 183 \text{ g} =$$

$$525 \text{ mm} - 355 \text{ mm} - 90 \text{ mm} =$$

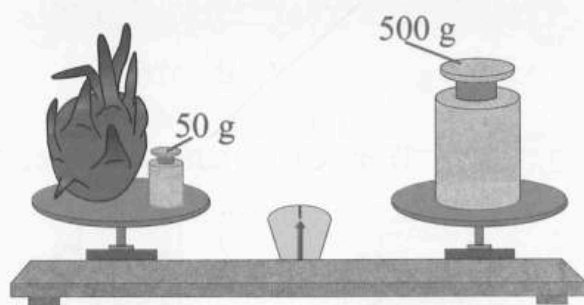
$765 \text{ ml} - 417 \text{ ml} =$

$$128 \text{ ml} + 652 \text{ ml} - 452 \text{ ml} =$$

Bài 3 Số?



Quả xoài cân nặng  g.



Quả thanh long cân nặng

 g.

Bài 4 Điền vào chỗ trống.

9 mm $\times 6$ $\div 3$

96 ml $\xrightarrow{: 8}$  $\xrightarrow{\times 5}$ 

Bài 5 Cô My bị cảm nên có mua một lọ tinh dầu để xông hơi. Mỗi ngày cô xông hơi 3 lần, mỗi lần dùng khoảng 2 ml tinh dầu. Sau 5 ngày thì cô khỏe và lọ tinh dầu cũng vừa hết. Hỏi lúc đầu lọ tinh dầu cô My mua có bao nhiêu mi-li-lít tinh dầu?

Bài giải

[illegible]



I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Kết quả của phép tính 212×4 là:

- A. 848 B. 216 C. 884 D. 484

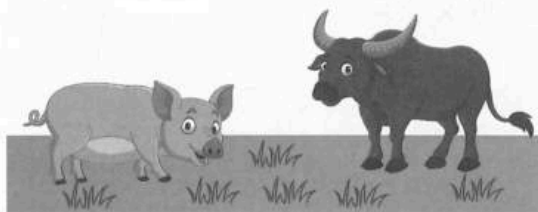
Câu 2 Tích của 115 và 4 là:

- A. 119 B. 440 C. 460 D. 111

Câu 3 Trong các phép tính sau, phép tính có kết quả lớn nhất là:

- A. 213×3 B. 260×3 C. 422×2 D. 118×5

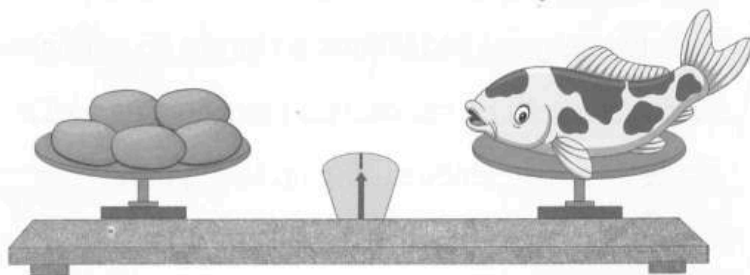
Câu 4 Con lợn cân nặng 105 kg. Cân nặng của con trâu gấp 3 lần con lợn. Vậy con trâu cân nặng là:



- A. 108 kg B. 315 kg C. 305 kg D. 102 kg

Câu 5 Mỗi củ khoai tây cân nặng khoảng 150 g (như bức tranh). Vậy con cá cân nặng là:

- A. 300 g
B. 450 g
C. 600 g
D. 750 g



II. Phần tự luận.

Bài 1 Tính.

$$\begin{array}{r} 223 \\ \times 3 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 414 \\ \times 2 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 448 \\ \times 2 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 117 \\ \times 5 \\ \hline \end{array}$$

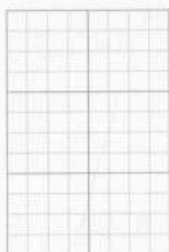
$$\begin{array}{r} 131 \\ \times 7 \\ \hline \end{array}$$

Bài 2 Đặt tính rồi tính.

111×8



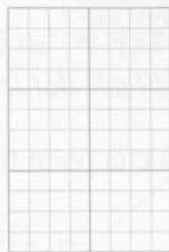
331×3



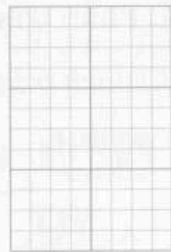
346×2



216×4



242×4



Bài 3 Tính nhẩm.

$200 \times 4 =$

$100 \times 7 =$

$200 \times 3 =$

$300 \times 3 =$

$300 \times 2 =$

$400 \times 2 =$

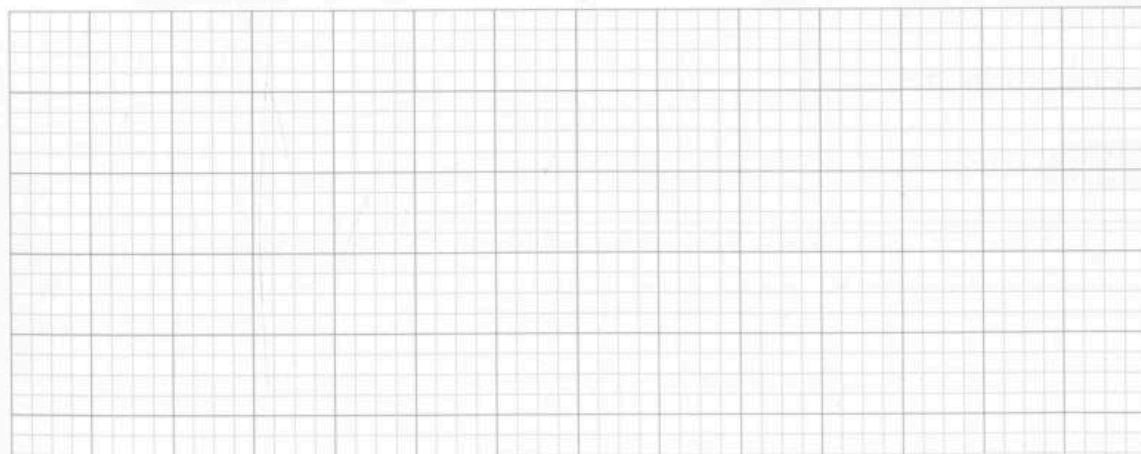
Bài 4 $> ; < ; =$?

119×5 312×2

240×3 120×6

Bài 5 Khi còn trẻ, bà Tư có tham gia tiếp tế lương thực cho bộ đội giải phóng. Bà nhớ nhất ngày mà bà lái được 8 chuyến đò, mỗi chuyến chở 80 kg gạo và 40 kg rau củ. Hỏi ngày hôm đó bà Tư tiếp tế được bao nhiêu ki-lô-gam lương thực?

Bài giải





I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Kết quả của phép tính $960 : 3$ là:

- A. 957 B. 963 C. 320 D. 330

Câu 2 Thương của 720 và 4 là:

- A. 180 B. 716 C. 724 D. 150

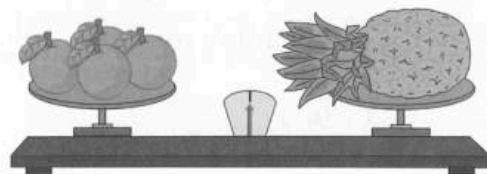
Câu 3 Trong các phép tính sau, phép tính có kết quả nhỏ nhất là:

- A. $213 : 3$ B. $250 : 5$ C. $524 : 4$ D. $500 : 2$

Câu 4 Phép tính có số dư lớn nhất là:

- A. $845 : 7$ B. $566 : 4$ C. $124 : 3$ D. $243 : 6$

Câu 5 Các quả cam có cân nặng bằng nhau (như bức tranh). Quả dưa cân nặng 600 g. Vậy cân nặng của mỗi quả cam là:



- A. 300 g B. 250 g C. 200 g D. 150 g

II. Phần tự luận.

Bài 1 Đ, S ?

$$\begin{array}{r} 624 \overline{) 3} \\ \underline{6} 208 \\ 02 \\ \underline{0} 24 \\ \underline{24} \\ 0 \end{array}$$



$$\begin{array}{r} 270 \overline{) 3} \\ \underline{27} 90 \\ 00 \\ \underline{0} 90 \\ \underline{90} \\ 0 \end{array}$$



$$\begin{array}{r} 728 \overline{) 4} \\ \underline{4} 182 \\ 32 \\ \underline{32} 08 \\ \underline{08} \\ 0 \end{array}$$

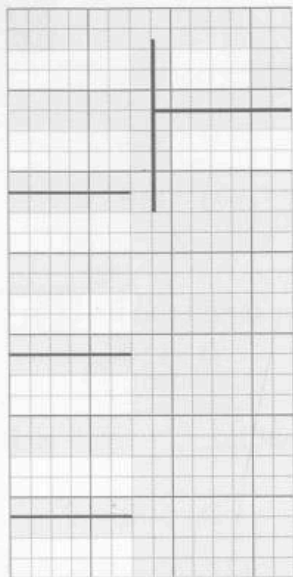


$$\begin{array}{r} 631 \overline{) 3} \\ \underline{6} 21 \\ 03 \\ \underline{03} 01 \\ \underline{01} \\ 0 \end{array}$$



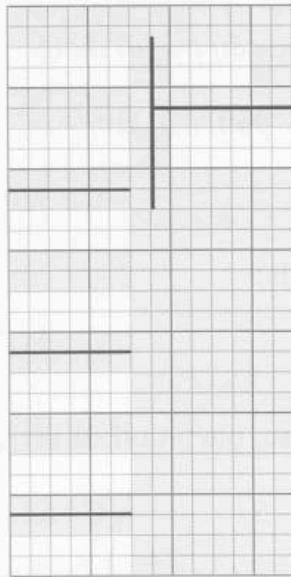
Bài 2 Tính.

$912 : 3$



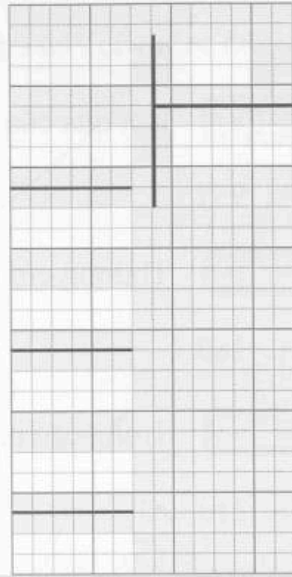
Vậy $912 : 3 =$

$848 : 4$



Vậy $848 : 4 =$

$927 : 9$



Vậy $927 : 9 =$

Bài 3 Đặt tính rồi tính.

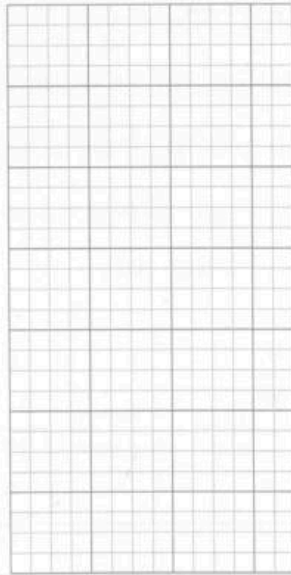
$969 : 6$



Vậy $969 : 6 =$

(dư)

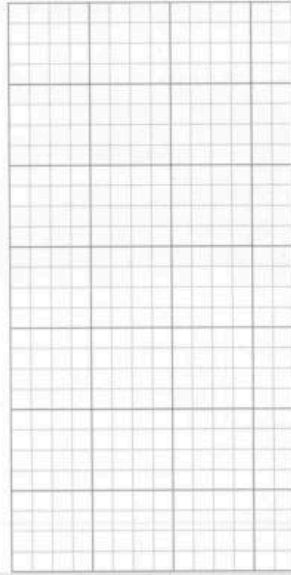
$985 : 7$



Vậy $985 : 7 =$

(dư)

$874 : 4$



Vậy $874 : 4 =$

(dư)

Bài 4 Tính nhẩm.

$600 : 3 =$ 

$700 : 7 =$ 

$400 : 2 =$ 

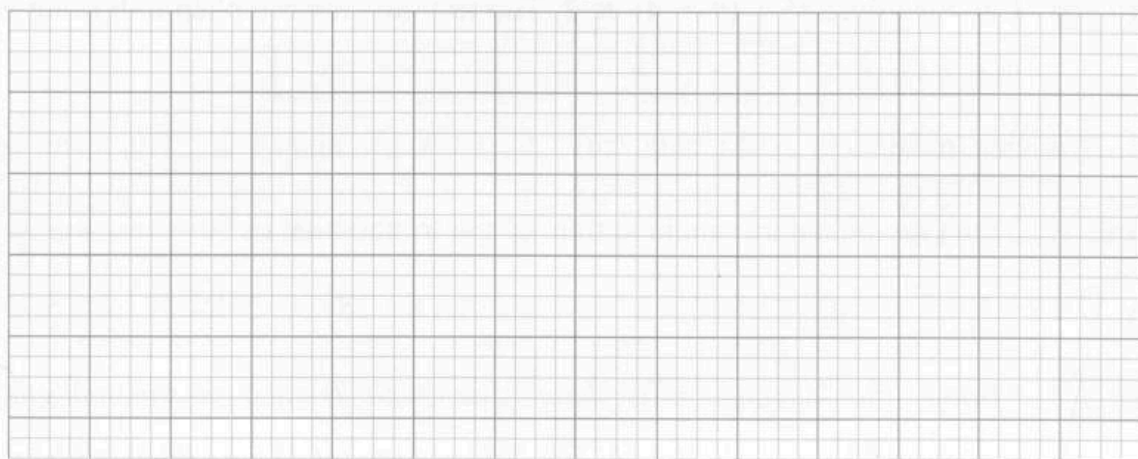
$800 : 2 =$ 

$900 : 3 =$ 

$500 : 5 =$ 

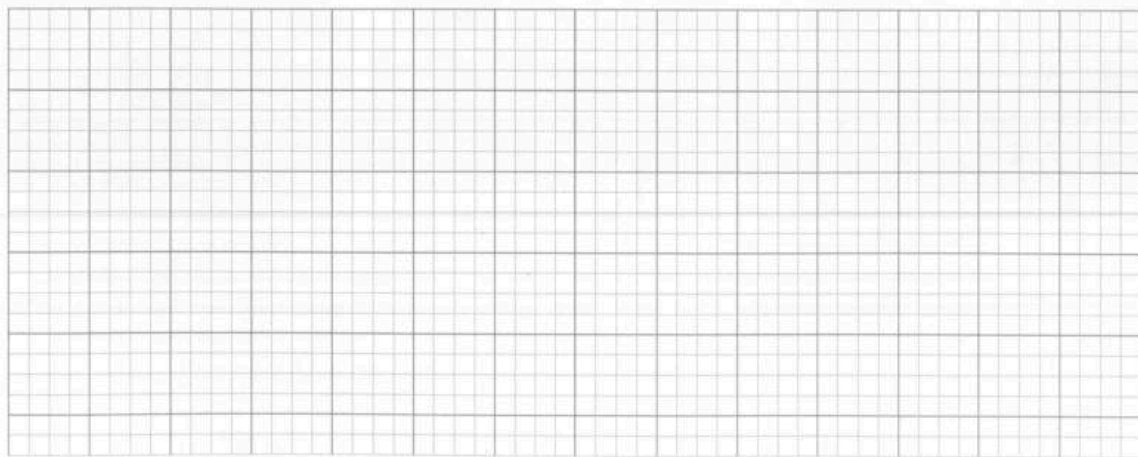
Bài 5 Anh Sơn chia đều 250 kg khoai lang vừa thu hoạch được vào 5 bao tải và mang 3 bao tải ra chợ bán. Hỏi anh Sơn mang ra chợ bán bao nhiêu ki-lô-gam khoai lang?

Bài giải



Bài 6 Xóm An Bình vừa nhận được 4 bao gạo do nhà nước hỗ trợ, mỗi bao có 60 kg gạo. Bác trưởng xóm chia đều toàn bộ số gạo đó cho 8 gia đình trong xóm. Hỏi mỗi gia đình nhận được bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

Bài giải





I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Giá trị của biểu thức $25 - 9 + 7$ là:

- A. 23 B. 9 C. 33 D. 19

Câu 2 Giá trị của biểu thức $9 \times 7 - 5$ là:

- A. 18 B. 68 C. 49 D. 58

Câu 3 Cho biểu thức $45 : (9 - 4) \times 2$. Thứ tự thực hiện các phép tính trong biểu thức đó là:

- A. Trừ, chia, nhân B. Nhân, chia, trừ C. Chia, trừ, nhân D. Trừ, nhân, chia

Câu 4 Trong các biểu thức sau, biểu thức có giá trị nhỏ nhất là:

- A. $6 \times 8 - 3$ B. $28 + 10 \times 2$ C. $72 : 8 + 28$ D. $54 : 2 \times 3$

Câu 5 "Trong 1 giờ đầu, chị Hà làm được 24 cái bánh. Trong 3 giờ sau, mỗi giờ chị làm được 10 cái bánh. Hỏi chị Hà đã làm được tất cả bao nhiêu cái bánh?"

Biểu thức đúng để tính số bánh chị Hà làm được là:

- A. $24 + 3 \times 10$ B. $24 \times 3 + 10$ C. $24 + 3 + 10$ D. $24 + 10 \times 3$

II. Phần tự luận.

Bài 1 Tính giá trị của mỗi biểu thức sau.

$$27 + 23 \times 3 =$$

$$60 - 17 \times 2 =$$

$$17 \times 5 - 3 =$$

$$24 : 4 \times 2 =$$

Bài 2 Tính giá trị của mỗi biểu thức sau.

$$(19 + 16) \times 2 =$$

$$780 - (128 + 325) =$$

$$7 \times (12 - 8) =$$

$$63 : (7 + 2) =$$

Bài 3 Chọn số là giá trị của mỗi biểu thức.

$$720 : (4 + 5)$$

$$72 - 54 : 3$$

$$56 : 4 \times 2$$

$$(65 + 25) : 5$$

28

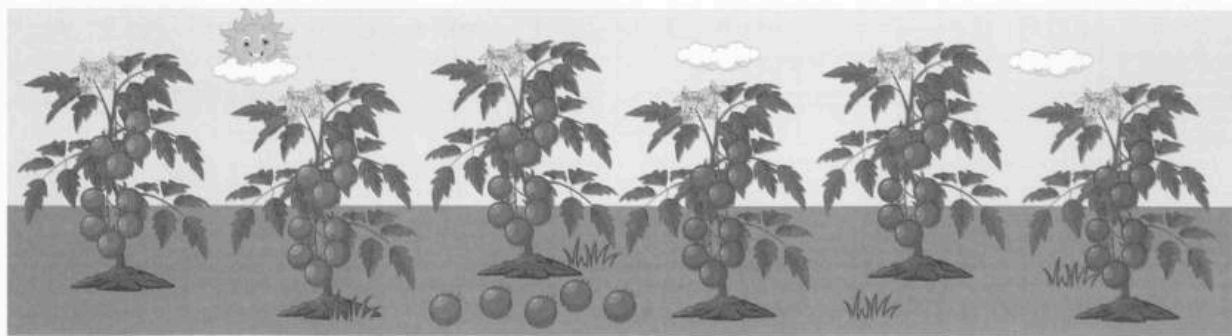
54

80

18

Bài 4 Viết biểu thức thích hợp rồi tính giá trị của nó biểu thức đó.

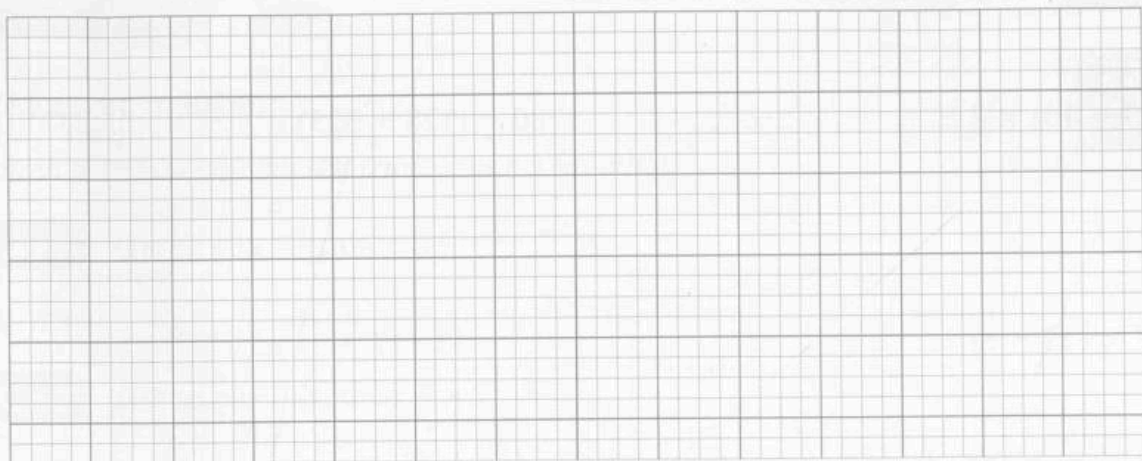
Trong vườn có bao nhiêu quả cà chua?



--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

(quả)

Bài 5 Mẹ chia đều 40 quả cam vào 5 túi, sau đó nhờ An mang 2 túi cam sang biếu ông bà. Hỏi An mang biếu ông bà bao nhiêu quả cam?

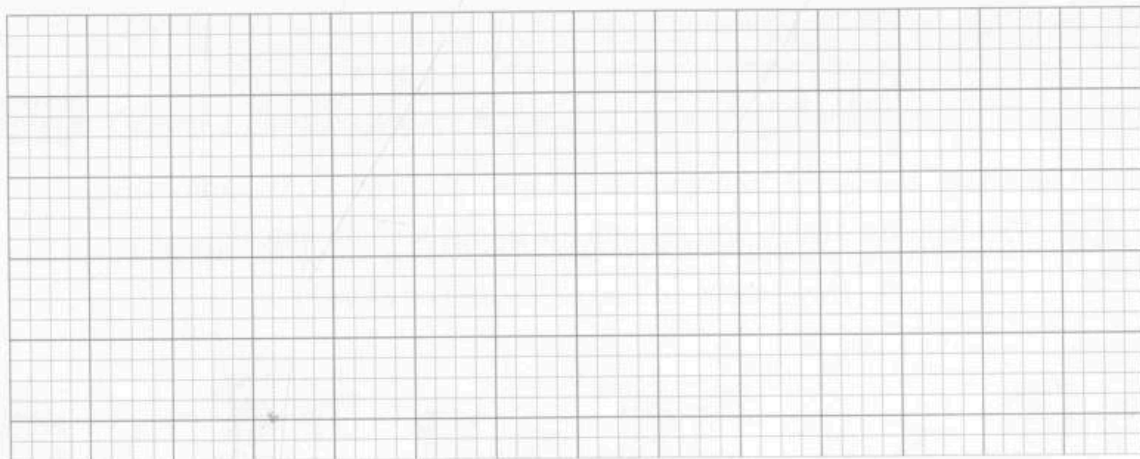


Bài 6

Một đoàn có 40 học sinh đi dã ngoại bằng 3 xe ô tô nhỏ và 1 xe ô tô to. Mỗi xe ô tô nhỏ chở 7 học sinh, số học sinh còn lại đi xe ô tô to. Hỏi có bao nhiêu học sinh đi xe ô tô to?



Bài giải

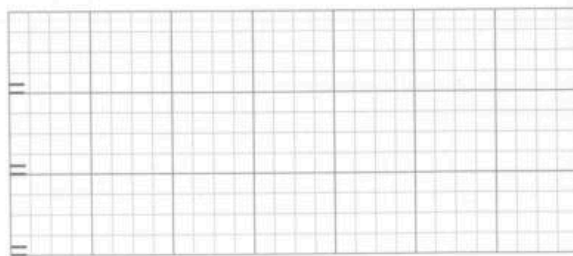
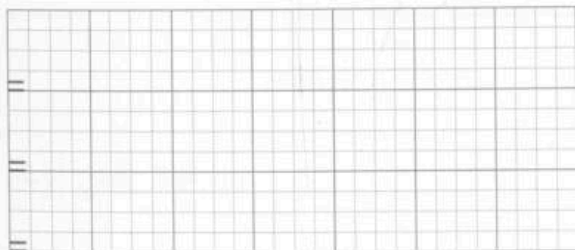


Bài 7

Tính giá trị của các biểu thức sau bằng cách thuận tiện nhất.

$$13 + 14 + 16 + 17$$

$$35 + 22 + 15 + 28$$





I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

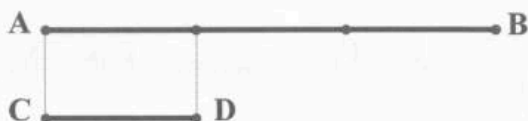


Câu 1 42 gấp 7 số lần là:

- A. 5 lần B. 7 lần C. 4 lần D. 6 lần

Câu 2 Đoạn thẳng **AB** dài gấp đoạn thẳng **CD** số lần là:

- A. 2 lần B. 3 lần
C. 4 lần D. 5 lần



Câu 3 Một giá sách có hai ngăn. Ngăn trên có 36 quyển sách, ngăn dưới có 9 quyển sách. Vậy số quyển sách ở ngăn trên gấp số quyển sách ở ngăn dưới số lần là:

- A. 2 lần B. 3 lần C. 4 lần D. 5 lần

Câu 4 Nhà An có nuôi một con mèo và một con chó. Con mèo cân nặng 5 kg, con chó cân nặng 25 kg. Vậy con chó cân nặng gấp con mèo số lần là:

- A. 2 lần B. 3 lần C. 4 lần D. 5 lần

Câu 5 Minh hái được 9 quả cam. Phong hái được nhiều hơn Minh 18 quả cam. Vậy số cam Phong hái được gấp số cam Minh hái được số lần là:

- A. 2 lần B. 3 lần C. 4 lần D. 5 lần

II. Phần tự luận.

Bài 1 Số?

Số lớn	12	24	18	45	63	64
Số bé	4	6	3	9	7	8
Số lớn hơn số bé bao nhiêu đơn vị?	8					
Số lớn gấp mấy lần số bé?	3					

Câu 2 Quan sát bức tranh và cho biết:



I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Tích của 120 và 4 là:

- A. 124 B. 116 C. 480 D. 30

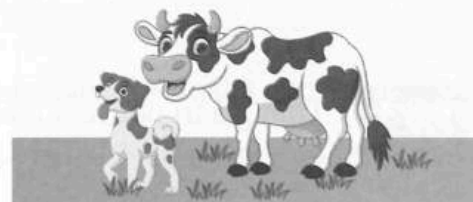
Câu 2 Giá trị của biểu thức $150 - 35 : 5$ là:

- A. 143 B. 23 C. 480 D. 30

Câu 3 Trong các biểu thức sau, biểu thức có giá trị lớn nhất là:

- A. $111 \times 9 - 2$ B. $250 + 120 \times 2$ C. $546 : (6 - 3)$ D. $600 : 2 \times 3$

Câu 4 Con chó cân nặng 9 kg. Con bò nặng hơn con chó 117 kg. Vậy cân nặng của con bò gấp cân nặng của con chó số lần là:



- A. 12 lần B. 13 lần C. 14 lần D. 15 lần

Câu 5 Hôm nay mẹ làm bánh. Mẹ xếp bánh vào 3 đĩa, mỗi đĩa có 5 cái bánh. Sau đó mẹ xếp thêm vào mỗi đĩa 2 cái bánh nữa. Vậy số bánh hôm nay mẹ làm là:

- A. $3 \times 5 \times 2 = 30$ (cái) B. $(5 + 2) \times 3 = 21$ (cái)
C. $5 \times 3 + 2 = 17$ (cái) D. $3 \times (5 + 2) = 21$ (cái)

II. Phần tự luận.

Bài 1 Đặt tính rồi tính.

$$142 \times 2$$

$$273 \times 3$$

$$171 \times 5$$

$$318 \times 2$$

Bài 2

[illegible]

[illegible]

A full-page view of a blank sheet of white graph paper. The grid consists of thin, light gray horizontal and vertical lines forming small squares across the entire page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

[illegible]

Bài 3

A blank grid for drawing a diagram, consisting of 10 columns and 10 rows of squares. The grid is used for drawing a diagram of a system.

A blank grid for drawing a diagram, consisting of 10 columns and 10 rows of squares.

A blank grid for drawing a map of the school grounds. The grid is 10 units wide and 10 units high. There are two horizontal lines on the left side, one at the 3rd row and one at the 7th row, extending 2 units to the right. There are also two horizontal lines on the right side, one at the 3rd row and one at the 7th row, extending 2 units to the left. These lines represent the boundaries of the school grounds.

A blank 20x20 grid for graphing, with a vertical line separating the first column from the rest of the grid.

Bài 4

$$3 \times (7 - 2)$$

$$40 : (4 + 4)$$

$$27 : 9 \times 6$$

$$100 - (9 + 7)$$

30 : 6

9×2

90 : 6

42×2

214

A full-page view of a blank sheet of graph paper. The page is covered by a uniform grid of small squares, typical of standard graph paper used for mathematics or engineering. There are no margins, text, or other markings on the page.

★ ★

Bài giải

[illegible]

★ ★ ★

72  9  15 = 23

72  8  6 = 24



I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Gấp 323 lên 3 lần được:

- A. 326 B. 320 C. 969 D. 106

Câu 2 Kết quả của phép chia $188 : 4$ là:

- A. 47 B. 102 C. 184 D. 192

Câu 3 Số dư của phép chia $269 : 5$ là:

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 4 Nhân dịp Tết trồng cây, khối lớp Ba trồng 9 cây bàng và trồng số cây phượng nhiều gấp 3 lần số cây bàng. Vậy số cây phượng khối lớp Ba trồng là:

- A. 12 cây B. 36 cây C. 27 cây D. 24 cây



Câu 5 Hà vừa nhặt 34 quả trứng gà từ chuồng gà và đang đi mua các hộp về để xếp trứng. Mỗi hộp Hà muốn để 6 quả trứng. Vậy Hà mua cần ít nhất số hộp là:

- A. 5 hộp B. 6 hộp C. 7 hộp D. 8 hộp

II. Phần tự luận.

Bài 1 Đặt tính rồi tính.

$$29 \times 3$$

$$43 \times 5$$

$$121 \times 7$$

$$224 \times 4$$

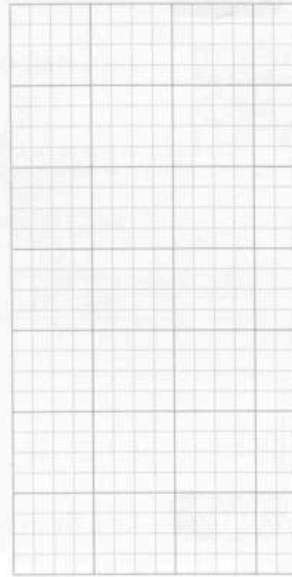
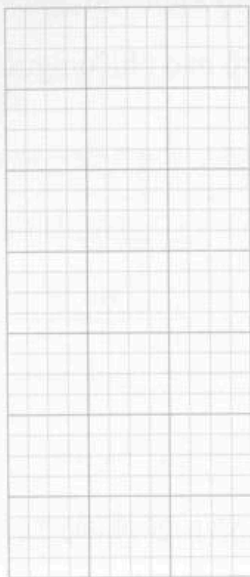
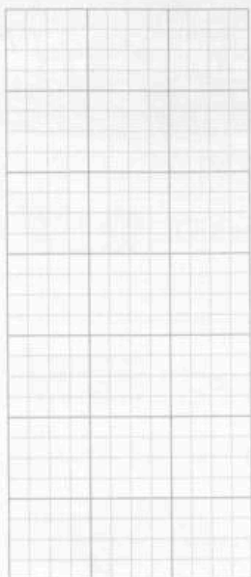
Bài 2 Đặt tính rồi tính.

$76 : 4$

$85 : 5$

$621 : 3$

$769 : 6$



Bài 3 Tính nhẩm.

$200 \times 3 =$

$400 \times 2 =$

$200 \times 4 =$

$600 : 2 =$

$900 : 3 =$

$700 : 7 =$

Bài 4 Số?

$\times 3 = 333$

$9 \times$ $= 72$

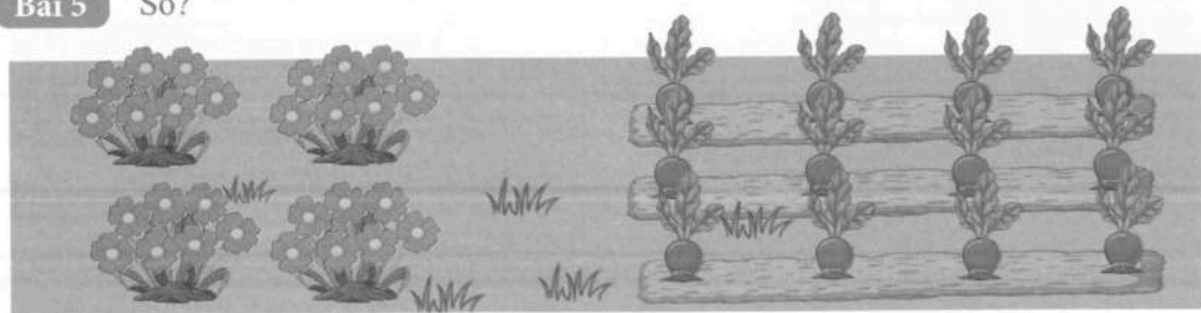
$: 3 = 205$

$\times 4 = 400$

$56 :$ $= 8$

$: 4 = 241$

Bài 5 Số?



$\frac{1}{7}$ số bông hoa là bông hoa.

$\frac{1}{4}$ số củ cải là củ cải.

Bài 6

Một đoàn khách ăn tối tại nhà hàng. Họ ngồi vào 15 bàn, mỗi bàn 6 người. Hỏi đoàn khách đó có bao nhiêu người?

Bài giải



Bài 7

Gia đình Mai trồng được 450 cây cam và một số cây xoài.

Số cây xoài bằng số cây cam giảm đi 3 lần. Hỏi gia đình

Mai trồng được bao nhiêu cây cam và cây xoài?

Bài giải



Bài 8

Số?

$$\begin{array}{r} \begin{array}{|c|c|c|} \hline 2 & & 1 \\ \hline \end{array} \\ \times \quad \begin{array}{|c|} \hline 4 \\ \hline \end{array} \\ \hline \begin{array}{|c|c|c|} \hline 8 & 0 & \\ \hline \end{array} \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \begin{array}{|c|c|c|} \hline & & \\ \hline & & \\ \hline & & \\ \hline \end{array} & 2 & 5 \\ \times & & \\ & & 3 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \boxed{6} \\ \times \boxed{9} \\ \hline \end{array}$$



I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Giá trị của biểu thức $27 - 9 : 3$ là:

- A. 6 B. 9 C. 12 D. 24

Câu 2 Trong các biểu thức dưới đây, biểu thức tính đúng là:

- A. $8 + 8 : 4 = 6$ B. $24 : 2 \times 4 = 3$ C. $4 \times (7 - 2) = 20$ D. $(2 + 34) \times 2 = 70$

Câu 3 Trong các biểu thức sau, biểu thức có giá trị nhỏ nhất là:

- A. $60 \times 6 - 4$ B. $52 + 10 \times 3$ C. $210 : 2 + 5$ D. $640 : 4 \times 2$

Câu 4 Dấu thích hợp thay cho dấu "?" để biểu thức dưới đây có giá trị lớn nhất là:

- A. + B. -
C. $\times$ D. :

$$\boxed{4} \times (\boxed{4} \text{ ? } \boxed{4})$$

Câu 5 "Bà đi chợ mua 2 hộp bánh, mỗi hộp có 12 cái bánh. Bà chia đều tất cả số bánh đó cho 4 người cháu. Hỏi mỗi người cháu nhận được bao nhiêu cái bánh?". Biểu thức đúng để tính số bánh mỗi người cháu nhận được là:

- A. $2 \times 12 : 4$ B. $2 + 12 : 4$ C. $12 : 2 - 4$ D. $12 \times 2 : 4$

II. Phần tự luận.

Bài 1 Tính giá trị của mỗi biểu thức sau.

$$128 + 22 \times 3 =$$

$$(282 - 42) : 6 =$$

$$60 \times (9 - 2) =$$

$$320 - 40 \times 4 =$$

Bài 2

Đặt dấu ngoặc () vào các biểu thức sau để được các biểu thức có giá trị đúng:

$$50 : 7 - 2 = 10$$

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

$$15 + 45 : 5 = 12$$

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

$$20 + 12 : 4 + 8 = 16$$

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

$$2 \times 4 + 36 : 4 = 20$$

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Bài 3

Hai chị em An và Bình giúp mẹ thu hoạch cà chua trong vườn. An hái được 25 quả cà chua, số cà chua chị Bình hái được gấp 3 lần số cà chua An hái được.

Hỏi cả hai chị em hái được bao nhiêu quả cà chua?



Bài giải

Bài 4

Tính giá trị của các biểu thức sau bằng cách thuận tiện nhất.

$$2 \times 2 \times 3 \times 5$$

=																			
=																			
=																			

$$12 + 13 + 14 + 16 + 17 + 18$$

=																			
=																			
=																			
=																			

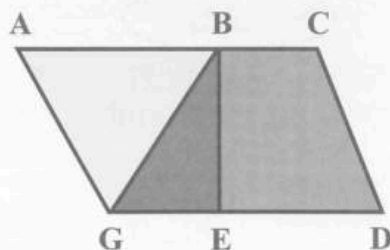


I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Hình vẽ bên có mấy góc vuông đỉnh B?

- A. 1 góc B. 2 góc
C. 3 góc D. 4 góc

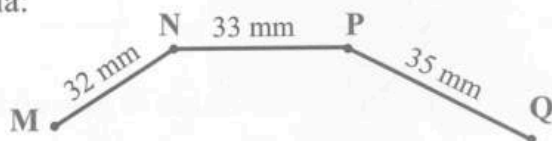


Câu 2 Hình vẽ trên có mấy hình tứ giác?

- A. 3 hình B. 4 hình C. 5 hình D. 6 hình

Câu 3 Độ dài của đường gấp khúc MNPQ là:

- A. 90 mm B. 1 cm
C. 1 dm D. 65 mm



Câu 4 Mẹ dùng nhiệt kế đo nhiệt độ cơ thể An thì phát hiện ra An đang bị sốt. Nhiệt độ cơ thể An lúc này là:

- A. 33 °C B. 35 °C C. 37 °C D. 38 °C



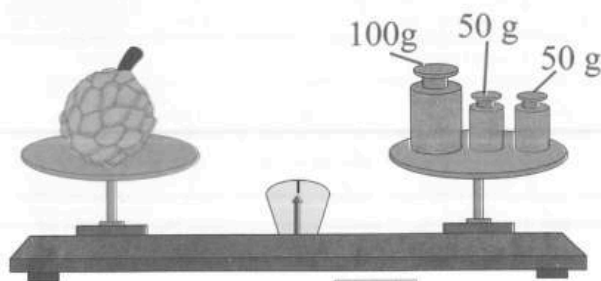
Câu 5 Mẹ An rót thuốc ho dạng nước ra thìa cho An uống. Lượng thuốc ho có trong chiếc thìa khoảng:

- A. 3 ml B. 3 l C. 100 ml D. 300 ml

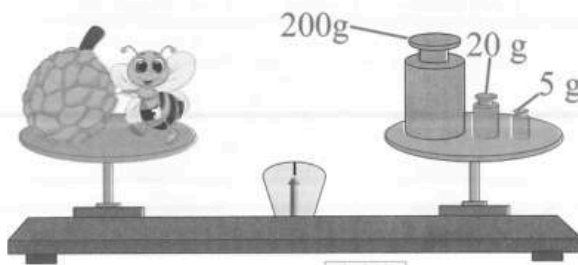


II. Phần tự luận.

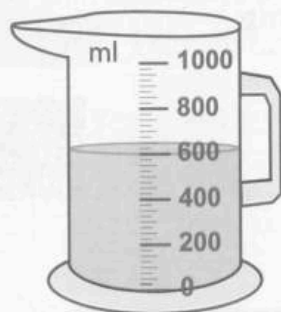
Bài 1 Điền vào chỗ trống cho thích hợp.



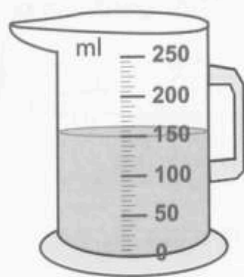
Quả na cân nặng g.



Con ong cân nặng g.



ml



ml



* Bài 2 Tính.

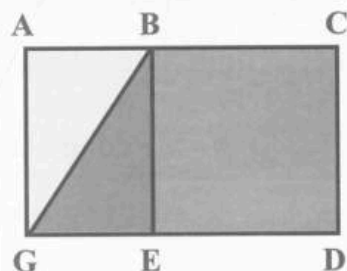
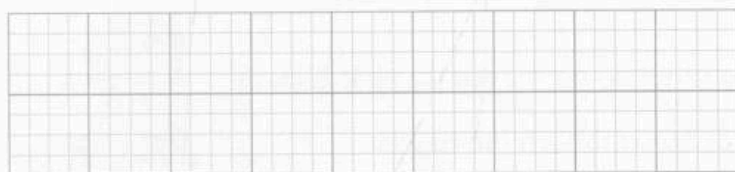
$$825 \text{ g} - 470 \text{ g} = \text{ }$$

$$183 \text{ ml} \times 2 = \text{ }$$

$$713 \text{ mm} + 57 \text{ mm} = \text{ }$$

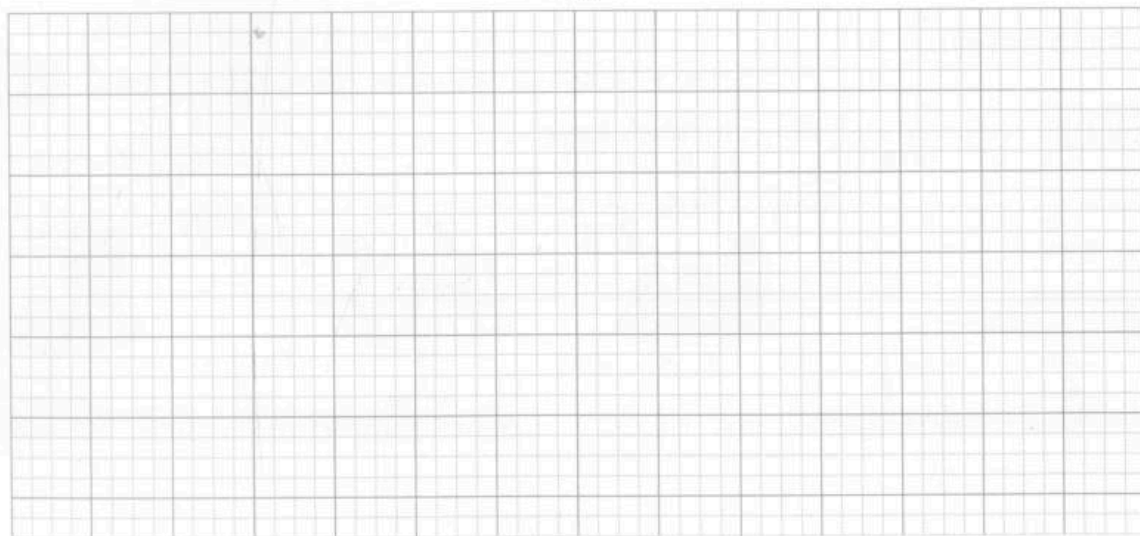
$$565 \text{ ml} : 5 = \text{ }$$

* Bài 3 Viết tên các hình tứ giác có trong hình vẽ bên.



* Bài 4 Cô Hà mua 1 kg thịt bò tươi về chế biến thịt bò khô. Sau khi chế biến xong, khối lượng thịt bò giảm đi 600 g so với lúc mới mua về. Cô Hà chia đều lượng thịt bò khô thu được vào 4 túi. Hỏi mỗi túi có bao nhiêu gam thịt bò khô?

Bài giải





I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:



Câu 1 36 là tích của hai số nào?

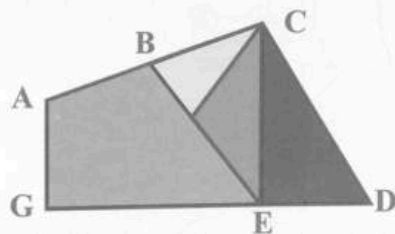
- A. 7 và 6 B. 8 và 3 C. 4 và 9 D. 7 và 8

Câu 2 Giảm 64 đi 4 lần được mấy?

- A. 16 B. 60 C. 68 D. 14

Câu 3 Hình vẽ bên có mấy góc không vuông đỉnh C?

- A. 4 góc B. 5 góc
C. 6 góc D. 7 góc



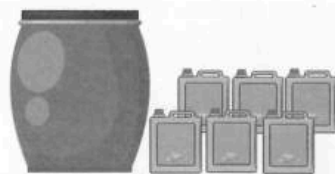
Câu 4 Hình vẽ trên có mấy hình tứ giác?

- A. 3 hình B. 4 hình C. 5 hình D. 6 hình

Câu 5 Trong các biểu thức sau, biểu thức nào có giá trị lớn nhất?

- A. $42 - 6 : 2$ B. $(32 + 8) : 4$ C. $60 : 4 \times 2$ D. $360 : 9 - 4$

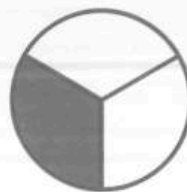
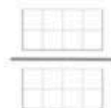
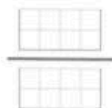
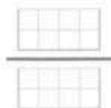
Câu 6 Cửa hàng nhà bác Tư có 1 thùng đựng 50 l nước mắm và 6 can, mỗi can đựng 5 l nước mắm. Vậy số lít nước mắm cửa hàng nhà bác Tư có là:



- A. 61 l B. 80 l C. 56 l D. 55 l

II. Phần tự luận.

Bài 1 Đã tô màu vào một phần mấy của mỗi hình sau?

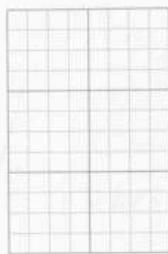


Bài 2 Đặt tính rồi tính.

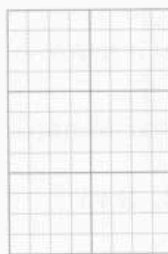
26×3



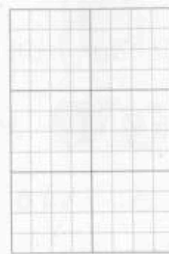
34×7



141×5

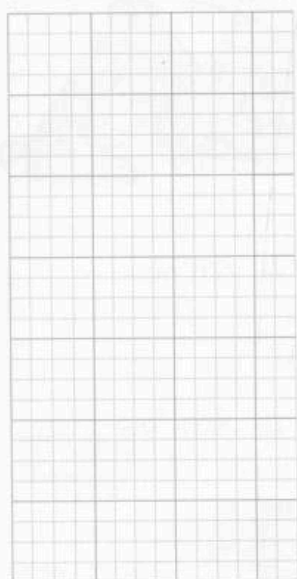


223×2

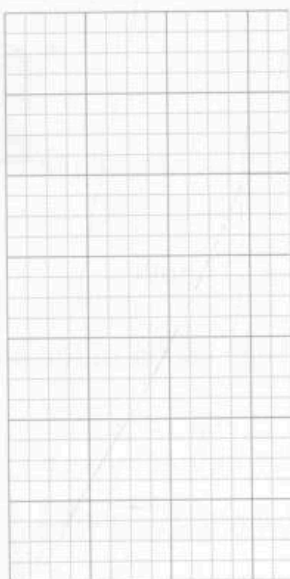


Bài 3 Đặt tính rồi tính.

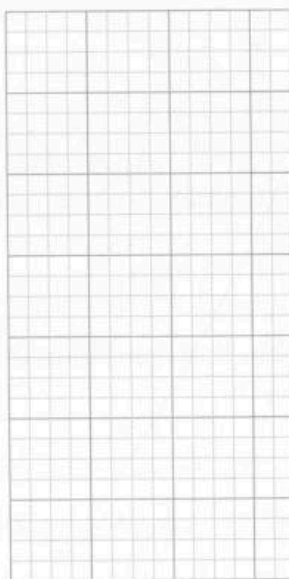
$542 : 2$



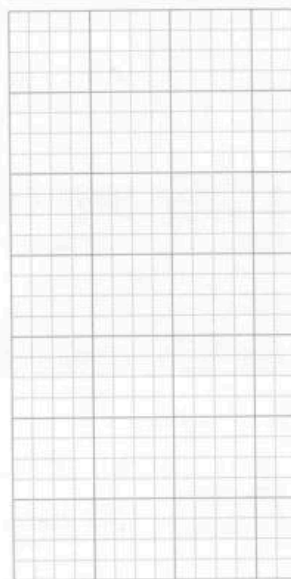
$426 : 3$



$483 : 4$

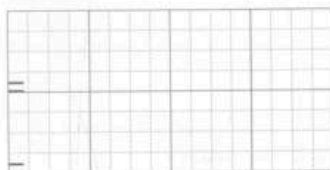


$652 : 5$

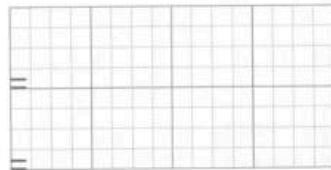


Bài 4 Tính giá trị của mỗi biểu thức sau.

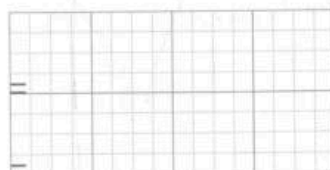
$120 \times 2 + 5 =$



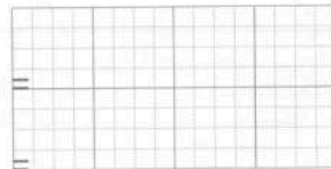
$(70 - 21) : 7 =$



$104 + 24 : 8 =$



$50 \times (6 + 3) =$



Bài 5 Quan sát bức tranh, viết biểu thức thích hợp và tính giá trị của biểu thức đó.

NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 4, Tổng Duy Tân, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024.3825.2916 Website: www.nxbhanoi.com.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Tổng Giám đốc - Tổng Biên tập: **Vũ Văn Việt**

Biên tập: **Phạm Thị Thu Trang**

Thiết kế bìa & trình bày: **Nguyễn Văn Quân**

BÀI TẬP HẰNG NGÀY **3** TOÁN **TẬP 1**

Biên soạn theo chương trình *SGK Kết Nối Tri Thức Với Cuộc Sống*

ISBN: 978-604-359-337-2

Đối tác liên kết xuất bản:

Công ty cổ phần sách Qbooks

Địa chỉ: Số 01, ngõ 192/173/66, đường Lê Trọng Tấn, phường Định

Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Một số hình ảnh minh họa được sưu tầm từ sách, báo và các nguồn tài liệu tham khảo khác.

Không phần nào trong cuốn sách này được sao chép hoặc chuyển sang bất cứ dạng thức hoặc phương tiện nào, dù là điện tử, in ấn, ghi âm hay bất cứ hệ thống phục hồi và lưu trữ thông tin nào nếu không có sự cho phép bằng văn bản của Qbooks.

In 10.000 cuốn, khổ 19 x 26,5cm Tại Công ty CP Thương mại Nguyễn Hoàng

Địa chỉ: Số 44 Thụy Hà, Bắc Hồng, Đông Anh, Hà Nội

Số xác nhận XB: 536 - 2022/CXBIPH/19 - 43/HN

Theo QĐXB số: 1334/QĐ-HN cấp ngày 10/5/2022

In xong và nộp lưu chiểu năm 2022